

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN

(GARMEX SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 70/CBTT-2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

Ho Chi Minh City, May. 03rd, 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE
SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN / *GARMEX SAIGON CORPORATION*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District, HoChiMinh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
- Fax: 028 - 39844746

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư

Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☐ Periodic ☐ Irregular ☒ 24 hours ☐ On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thông báo tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

- Thời gian họp : 08 giờ - Ngày 24/05/2021
- Địa điểm họp : KHÁCH SẠN LOTTE SÀI GÒN
Địa chỉ : 2A – 4A đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Nội dung chương trình Đại hội : Chi tiết chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/05/2021 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

This information was disclosed on Company's Portal on date May. 03rd, 2021 Available at:
<https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/ *Organization representative*
Người UQ CBTT/ *Party authorized to disclose information*



NGUYỄN MINH HẰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON)

☞☞☞

Số : 69 /TB.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☞☞☞

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

THÔNG BÁO

V/v: Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi :

- Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn trân trọng thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

Thời gian : 08 giờ 00 phút - Ngày 24 Tháng 05 Năm 2021

Địa điểm : KHÁCH SẠN LOTTE SÀI GÒN
2A – 4A Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung chương trình Đại hội : Chi tiết chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Cổ đông tham dự Đại hội, vui lòng mang theo Thư mời và Giấy tờ chứng thực cá nhân. Nếu được ủy quyền, vui lòng mang theo Giấy ủy quyền và Giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp cổ đông chưa nhận được Thư mời.

Mọi chi tiết, vui lòng liên hệ văn phòng Hội đồng Quản trị Công ty - Điện thoại : 84.028. 39844822 (số nội bộ : 206)

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GARMEX
SÀI GÒN
BÙI TUẤN NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày.....Tháng.....Năm 2021



GIẤY ỦY QUYỀN / AUTHORIZATION LETTER

1. Bên ủy quyền (Bên A)/The Authorizing Party (Party A):

Tên cổ đông - Name of shareholder:.....

- Mã số cổ đông -Shareholder Code:.....
- CMND/GPKD số - ID/Business Registration Number :
- Cấp ngày/Issued Date:...../...../.....tại-place:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại số /Phone Number
- Số cổ phiếu sở hữu/Number of Shares Owned:cổ phiếu-shares

2. Bên nhận ủy quyền (Bên B)/The Authorized Party (Party B):

- Tên cá nhân/Tổ chức -Name of individual/Organization:
- Mã số cổ đông -Shareholder Code:.....
- CMND/GPKD số - ID/Business Registration Number :
- Cấp ngày/Issued Date:...../...../.....tại-place:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại số /Phone Number

3. Bên nhận ủy quyền (Bên C)/The Authorized Party (Party C):

Trong trường hợp cổ đông chưa có người đại diện nhận ủy quyền / no specified authorized party.

- | | | | |
|---------------------------|---|--------------------------------|--------------------------|
| ▪ Ông BÙI TUẤN NGỌC | – | Chủ tịch HĐQT/Chairman | ☐ |
| ▪ Ông LÊ HÙNG | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |
| ▪ Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |
| ▪ Ông BÙI MINH TUẤN | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |
| ▪ Ông LÂM TỬ THANH | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |
| ▪ Bà NGUYỄN MINH HẰNG | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |
| ▪ Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | – | Thành viên HĐQT/ Member of BOD | ☐ |

4. Nội dung ủy quyền/The Authorization details:

- Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B hoặc Bên C tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn và được đại diện biểu quyết trên toàn bộ số lượng cổ phần thuộc sở hữu bên A.

Party A agrees to authorize Part B or Part C to attend The 2021 Annual General Meeting of Garmex Sai Gon's Shareholders and on behalf of total number of shares owned by Party A to vote.

- Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của Pháp luật

Part A will take full responsibility on this authorization and strictly follow the laws and regulations.

NGƯỜI ỦY QUYỀN/The Authorizing Party
(Ký và ghi rõ Họ Tên)/(Name and signature)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/The Authorized Party
(Ký và ghi rõ Họ Tên)/(Name and signature)

Lưu ý/Note:

Để Đại hội được tiến hành đủ tỷ lệ tham dự, HĐQT Garmex Saigon kính đề nghị quý cổ đông quan tâm tham dự đầy đủ. Trong trường hợp ủy quyền cho người khác hoặc ủy quyền cho HĐQT, xin vui lòng hồi báo bằng thư gửi theo đường bưu điện hoặc email : vphdqt.tgd@garmexjs.com

Your attendance are highly appreciated. If you cannot attend meeting, please inform the authorization by post or email : vphdqt.tgd@garmexjs.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1	Thông báo tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	
2	Giấy ủy quyền tham dự	
3	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	
4	Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	
5	Thẻ biểu quyết	
6	Phiếu biểu quyết	
7	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020	
8	Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020	
9	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020	
10	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán <i>Cổ đông vui lòng truy cập vào website theo đường dẫn: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/</i>	
11	Tờ trình thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020	
12	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 20120	
13	Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	
14	Tờ trình Ngân sách đầu tư cho năm 2021	
15	Tờ trình Phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020	
16	Tờ trình Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty	
17	Tờ trình thông qua Bản Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành	
18	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty thay thế Quy chế nội bộ hiện hành	



19	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị	
20	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	
21	Tờ trình Thù lao của Hội đồng quản trị và thù lao, tiền lương của Ban kiểm soát năm 2021	
22	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021	
23	Tờ trình thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai	
24	Tờ trình thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ	
25	Tờ trình cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)	
26	Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV(2018-2023)	
27	Mẫu Đơn đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT	
28	Mẫu sơ yếu lý lịch	
29	Mẫu cung cấp thông tin	
30	Dự Thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	



**GARMEX SAIGON****CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎✽☎

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
NGÀY 24.05.2021

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
		PHẦN KHAI MẠC
	7:30 - 8:00	Tiếp đón đại biểu và cổ đông
	8:00 - 8:15	Đại diện Ban kiểm soát lên báo cáo kết quả xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội, điều kiện tiến hành Đại hội
		Chủ tịch HĐQT giới thiệu thành phần Chủ tọa gồm: 1. Ông. Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT 2. Ông. Lê Hùng – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc 3. Ông. Nguyễn Việt Cường – Thành viên HĐQT
		Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu gồm: 1. Ông Trần Nguyễn Anh Minh – Trưởng Ban kiểm phiếu 2. Bà Trần Thị Ngọc Linh 3. Bà Trần Thị Mỹ Hạnh 4. Ông Lê Bá Lộc 5. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên 6. Bà Trần Thị Thu Trâm 7. Bà Lê Thị Trang <i>Chủ tọa điều hành Đại hội biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu Đại hội</i>
		Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội: 1. Bà. Huỳnh Thị Kim Loan 2. Bà. Trần Thảo Nguyên
B		PHẦN NỘI DUNG ĐẠI HỘI
	8:15 - 8:20	<i>Chủ tọa điều hành Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế Đại hội</i>
	8:20 - 8:30	Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội: I/ Thông qua các Báo cáo gồm: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 2. Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020 4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán II/ Thông qua các Tờ trình của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông 1. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 4. Ngân sách đầu tư cho năm 2021 5. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 6. Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty 7. Thông qua Bản Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành 8. Thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty thay thế Quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát



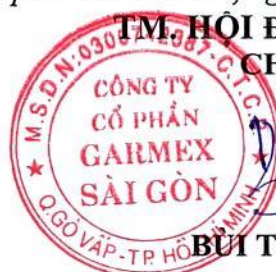
		11. Thù lao của HĐQT và thù lao, tiền lương của BKS năm 2021 12. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 13. Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai 14. Thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ 15. Tờ trình cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023) III/ Đại hội thảo luận các Báo cáo và các Tờ trình IV/ Đại hội biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và các Tờ trình V/ Bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT Nhiệm kỳ IV (2018-2023) 1. Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Nhiệm kỳ IV(2018-2023) 2. Chủ tọa giới thiệu danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị 3. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị 4. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT 5. Đại hội thông qua kết quả bầu cử VI/ Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội <i>Đại hội biểu quyết thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021</i>
8:30 – 9:30	Thảo luận nội dung các Báo cáo và các Tờ trình Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận: Các Báo cáo: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 2. Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020 4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán Các Tờ trình 1. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 4. Ngân sách đầu tư cho năm 2021 5. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 6. Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty 7. Thông qua Bản Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành 8. Thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty thay thế Quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát 11. Thù lao của HĐQT và thù lao, tiền lương của BKS năm 2021 12. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 13. Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai 14. Thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ 15. Tờ trình cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)	



	9:30-9:50	Biểu quyết Thông qua các Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng Quản trị : <i>Chủ tọa điều hành để Đại hội biểu quyết các nội dung :</i> Các Báo cáo: 1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 2. Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020 4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán Các Tờ trình 1. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 4. Ngân sách đầu tư cho năm 2021 5. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 6. Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty 7. Thông qua Bản Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành 8. Thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty thay thế Quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát 11. Thù lao của HĐQT và thù lao, tiền lương của BKS năm 2021 12. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 13. Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai 14. Thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ 15. Tờ trình cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)
C	9:50 – 11:10	PHẦN BẦU BỔ SUNG 01 THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IV(2018-2023) 1. Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT 2. Chủ tọa giới thiệu danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị 3. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên 4. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT 5. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu 6. Đại hội thông qua kết quả bầu cử 7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trúng cử ra mắt Đại hội.
D	11:10 – 11:30	PHẦN TỔNG KẾT ĐẠI HỘI 1. Chủ tọa thông qua Biên bản Đại hội <i>Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội</i> 2. Chủ tọa thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 <i>Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội</i> 3. Chủ tọa phát biểu bế mạc Đại hội

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI TUẤN NGỌC



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com

☎ ✉

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

QUY CHẾ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/05/2021 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1: Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn. Tất cả cổ đông, người được ủy quyền của cổ đông (được gọi chung là “cổ đông”) và các khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và có trách nhiệm giới thiệu thêm người cùng tham gia Chủ tọa Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tọa Đại Hội đồng cổ đông
 - 2.1. Chủ trì và điều hành các hoạt động của Đại hội đồng theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
 - 2.2. Giới thiệu Thư ký đại hội
 - 2.3. Giới thiệu Ban kiểm phiếu để Đại hội bầu
 - 2.4. Thông qua chương trình, quy chế Đại hội
 - 2.5. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự, quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội
 - 2.6. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu
 - 2.7. Có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành Đại hội một cách hợp lệ và trật tự
 - 2.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu. Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng Cổ đông về nhiệm vụ của mình
2. Nhiệm vụ của Thư ký :
 - 2.1. Lập biên bản họp Đại hội, ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung của Đại hội vào biên bản họp Đại hội.
 - 2.2. Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội đồng công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu Đại Hội:

1. **Ban Kiểm tra tư cách cổ đông :** Do Ban Tổ chức giới thiệu, trong đó có đại diện của Ban kiểm soát Công ty
Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông: Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả xác nhận tư cách cổ đông, số lượng cổ đông, số cổ phiếu sở hữu hoặc/và đại diện sở hữu tham dự Đại hội đồng cổ đông
2. **Ban Kiểm phiếu Đại Hội:**
Theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội, Đại hội bầu một số người vào Ban kiểm phiếu Đại hội
Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu Đại hội:
 - a. Giám sát việc biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội và xác định chính xác kết quả biểu quyết từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội và công bố trước Đại hội.
 - b. Tổ chức Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả thành viên Ban kiểm phiếu
 - c. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
 - d. Mọi công việc kiểm tra, giám sát, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thực hiện trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự : Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách chốt ngày **22/04/2021** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông :
 - 2.1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông tham dự, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu và Thư mời tham dự Đại hội với danh sách cổ đông và phát cho cổ đông Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có họ tên, mã số của cổ đông, tổng số cổ phiếu sở hữu hoặc/và đại diện sở hữu có quyền biểu quyết. Trong trường hợp cổ đông chưa nhận được Thư mời thì chỉ cần xuất trình CMND/CCCD để Ban kiểm tra tư cách cổ đông tra cứu danh sách cổ đông.
 - 2.2. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải có Giấy ủy quyền hợp lệ và không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội
 - 2.3. Để đảm bảo tỷ lệ biểu quyết các vấn đề được thông qua Đại hội theo Luật và Điều lệ Công ty quy định thì sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền vì lý do nào đó rời khỏi Đại hội thì phải thông báo cho Chủ tọa và ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội để biểu quyết tại Đại hội. Nếu cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự mà tự ý rời khỏi Đại hội thì được xem như đã ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội để biểu quyết tại Đại hội
 - 2.4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự
 - 2.5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo **Khoản 7, Điều 146 của Luật Doanh nghiệp**
 - 2.6. Cổ đông/đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, được phép đăng ký tham dự và thực hiện các quyền theo quy định nhưng không được quyền đề nghị thay đổi chương trình, nội dung đã được Đại hội thảo luận, quyết định trước đó.

Điều 6: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào khoản 1 điều 21 của Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** số cổ phiếu có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày **22/04/2021** của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Điều 7: Thảo luận tại Đại hội

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều được cổ đông thảo luận tại Đại hội. Cổ đông khi cần phát biểu thì giơ Thẻ biểu quyết, chỉ khi được Chủ tọa Đại hội chấp thuận mới phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội, tránh trùng lặp, thời gian thảo luận mỗi câu hỏi trong vòng 05 phút, các câu hỏi không đủ thời gian trả lời trong thời gian thảo luận tại Đại hội, được trả lời cho cổ đông bằng văn bản sau Đại Hội

Điều 8: Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phiếu có quyền biểu quyết mà cổ đông đại diện (sở hữu và được uỷ quyền) - Một cổ phiếu có quyền biểu quyết mà cổ đông đại diện (sở hữu và được uỷ quyền) tương ứng một phiếu biểu quyết.
2. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức sau:

- a. **Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:** Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề về nội dung các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội

Đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong 03 phương án “Tán thành”; “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào phương án chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, khi có đề nghị của Chủ tọa, cổ đông bắt đầu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

Cổ đông không đánh dấu “X” nội dung nào coi như “ Không có ý kiến “ nội dung đó

Phiếu biểu quyết không hợp lệ :

- Là phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra
- Phiếu bị tẩy xóa, sửa chữa, viết thêm nội dung ngoài quy định
- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông
- Phiếu nộp sau khi việc bỏ phiếu kết thúc

Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu biểu quyết.

- b. **Hình thức biểu quyết bằng các giơ cao Thẻ biểu quyết :** Hình thức này được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức tại điểm a khoản 2 của Điều này
Cổ đông thực hiện biểu quyết để “Tán thành”; “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết

2387
TY
HÀN
MEX
GÒN
HỒ CHÍ

Với từng vấn đề, chủ tọa sẽ lấy ý kiến cổ đông theo trình tự “Tán thành”; “Không tán thành”; “Không có ý kiến” và cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết 01 lần biểu quyết “Tán thành”; “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề.

Ban kiểm phiếu ghi nhận số phiếu biểu quyết theo từng nội dung vấn đề biểu quyết “Tán thành”; “Không tán thành”; “Không có ý kiến” và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua khi quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định của Điều lệ Công ty - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **từ 51% trở lên** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các vấn đề sau :

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- Tổ chức lại, giải thể công ty;

chỉ được thông qua khi có từ **65% trở lên** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành

- Cổ đông hoặc Đại diện được ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận thông qua khi có **ít nhất 65%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành theo quy định tại khoản 4 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và thực hiện theo Quy chế bầu cử sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Điều 9: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn với 10 Điều
- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua đề Đại hội được tiến hành và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BUI TUẤN NGỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com

☎✽☎

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 THẺ BIỂU QUYẾT

HỌ VÀ TÊN :

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG :

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU :



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 NGÀY 24.05.2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và Tên :

Mã số cổ đông :

Số cổ phần sở hữu :

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020			
2	Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020			
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020			
4	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán			
5	Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020			
6	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			
7	Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021			
8	Tờ trình Ngân sách đầu tư cho năm 2021			
9	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020			
10	Tờ trình Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty			
11	Tờ trình Thông qua Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành			
12	Tờ trình Thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị Công ty thay thế quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty			
13	Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị			
14	Tờ trình Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
15	Tờ trình Thù lao của HĐQT và thù lao, tiền lương của BKS năm 2021			
16	Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021			
17	Tờ trình Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai			
18	Tờ trình Thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ			
19	Tờ trình cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)			

Cổ đông đánh dấu "X" vào ô tương ứng với vấn đề biểu quyết

Cổ đông ký và ghi rõ họ tên



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2020

1. Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới đến Việt Nam:

Đại dịch covid -19 và căng thẳng thương mại kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc đã tác động rất lớn đến tình hình kinh tế thế giới, dẫn đến tăng trưởng âm trong năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam với quyết tâm thực hiện mục tiêu kép đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh và đạt được mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với năm 2019 và thuộc nhóm nước có nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trước tình hình khó khăn trong năm 2020, các doanh nghiệp may mặc còn phải chịu áp lực từ việc đơn hàng giảm, biến động giá cả, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thấy được vấn đề trên, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn ngoài việc cố gắng giữ vững những khách hàng truyền thống với doanh số xuất khẩu của Công ty trong năm 2020 đạt 58,18 triệu USD giảm 22% so với năm 2019 (74,6 triệu USD), còn nỗ lực tìm kiếm những đơn hàng gia công trong nước để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá về tình hình ngành dệt may năm 2020:

Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam không những bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid – 19, đơn hàng giảm, mà còn đối diện với tình hình cạnh tranh khốc liệt từ thị trường trong nước đến thị trường ngoài nước, từ doanh nghiệp có vốn FDI đến các quốc gia lấy ngành dệt may làm trọng điểm, từ thu hút lao động lành nghề đến san sẻ đơn hàng. Do đó, theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, trong năm 2020 kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam chỉ đạt 35,2 tỷ USD giảm 9,3% so với năm 2019. Mặt khác, Việt Nam đã ký kết Hiệp định CPTPP và các FTA tạo bàn đạp cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, nhưng ngành may vẫn chưa thể tận dụng được các cơ hội ưu đãi từ các Hiệp định để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm. Cụ thể :

- Các doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng đủ nguyên vật liệu đầu vào cho ngành may mặc, phần lớn là nhập khẩu từ Trung Quốc. Hơn nữa, năng lực công nghệ sản xuất và tài chính cũng là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp trong nước khi xu hướng tự động hóa thay thế dần sức lao động để tăng năng suất, hạn chế phụ thuộc vào con người và nâng cao tính cạnh tranh.
- Cơ cấu lao động còn hạn chế, phần lớn công nhân lao động chưa có tay nghề chuyên môn, phải qua đào tạo lại.
- Lương tối thiểu vùng tăng, dẫn đến chi phí lao động tăng cao, mất lợi thế cạnh tranh về nhân công giá rẻ.
- Các phương thức bán hàng theo hình thức CMT và FOB vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành may mặc, gây ra áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp sở hữu nhân công giá rẻ tại nhiều quốc gia như Myanmar, Bangladesh .

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2020:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Nhằm hạn chế những tác động của tình hình thực tại và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng, phân phối đơn hàng phù hợp nhằm giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động, giảm chi phí hỗ trợ lương;
- Cải thiện, điều chỉnh chính sách lương, thưởng góp phần tăng thu nhập, chăm sóc tốt đời sống vật chất tinh thần người lao động do đó ổn định được tình hình lao động;
- Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, cải tiến quy trình sản xuất góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu thời gian tăng ca;
- Từng bước chuyển đổi chiến lược sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố, phát triển nguồn nhân lực bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quản lý.
- Tiếp tục xác lập vị thế với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, góp phần ổn định sản xuất ngay từ đầu năm 2020.

Hoạt động đầu tư dự án: Năm 2020, Công ty không triển khai dự án nào. Hầu hết các khoản đầu tư tài chính vẫn duy trì.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng:

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, tuân thủ pháp luật về môi trường cũng như đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương như:

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt tiêu chuẩn của Khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.
- Hệ thống xử lý nguồn cấp nước tại Công ty đã được tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Sài Gòn đều do các nhà máy tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.

4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Những mặt làm được:

- Trong bối cảnh cạnh tranh về giá, tình hình dịch bệnh, Công ty vẫn xúc tiến tốt và củng cố vị thế đối với Khách hàng truyền thống, tìm kiếm đơn hàng gia công trong nước, phân bổ năng lực phù hợp theo diễn biến thị trường xuất khẩu. Đồng thời, củng cố, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, cải tiến quy trình sản xuất, tăng năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao.
- Giữ vững vị thế và số lượng đơn hàng từ khách hàng lớn Columbia Sportswear, Decathlon.
- Hoàn thiện dần mô hình LEAN & AUTOMATION; bước đầu đạt đến mục tiêu cốt lõi của LEAN: 02 giảm (giảm chi phí – giảm thời gian hoàn thành); 02 tăng (tăng năng suất – tăng chất lượng).

Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân:

Nguyên phụ liệu còn phụ thuộc từ việc nhập khẩu từ nhà cung cấp nước ngoài, đòi hỏi thời gian vận chuyển, đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh, đây cũng là tình trạng chung của ngành may Việt Nam.

Những mặt chưa làm được của Công ty chủ yếu là yếu tố khách quan, hệ thống quản lý Công ty đang trong quá trình hoàn thiện. Để hạn chế những ảnh hưởng không mong muốn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp, chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng và thời gian giao hàng. Ngoài ra, Ban lãnh đạo phát triển thêm nhà cung cấp mới, tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu trong nước cạnh tranh hơn.

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

5.1. Đánh giá về triển vọng 2021:

Đánh giá về triển vọng chung kinh tế toàn cầu

Kinh tế thế giới năm 2021 dự báo sẽ hồi phục, nhưng vẫn còn rủi ro, thách thức do tình hình dịch bệnh COVID-19 chưa thể chấm dứt, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn còn kéo dài. Xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn tất yếu sẽ khiến các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế có nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất và đây là cơ hội, nhưng cũng là thách thức với Việt Nam để thu hút dòng vốn FDI. Tuy nhiên, các chính sách hạn chế nhập cảnh từ các quốc gia nhằm phòng chống dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến dòng vốn FDI và lượng hàng hóa lưu thông của các nước, ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Đánh giá về triển vọng ngành

Các Hiệp định CPTPP và các FTA đã được ký kết trước đã mở ra con đường hội nhập cho các doanh nghiệp Việt Nam, là bàn đạp cho ngành dệt may phát triển ra thị trường thế giới và sẽ là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo quy tắc xuất xứ của các Hiệp định Quốc tế từ sợi, vải, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đủ điều kiện đáp ứng. Nguồn nguyên liệu, phụ liệu của các doanh nghiệp may mặc chủ yếu đến từ Trung Quốc chưa đáp ứng quy tắc của Hiệp định. Bên cạnh đó, với áp lực lớn từ cạnh tranh về giá, về mẫu mã và chất lượng có xu hướng diễn ra gay gắt hơn. Do đó, Công ty cần tổ chức lại bộ máy hiệu quả hơn, xây dựng, tổ chức đội ngũ kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ cao hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh phù hợp với xu hướng thị trường, góp phần tăng trưởng bền vững.

5.2. Chiến lược phát triển Công ty trong năm 2021:

Về đối nội:

- Tiếp tục tổ chức lại bộ máy hiệu quả hơn, cạnh tranh hơn
- Đầu tư phát triển nguồn lực, đẩy mạnh cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất.
- Ngành may thời trang vẫn là ngành cốt lõi, tập trung phát triển lâu dài của Công ty, do đó Công ty sẽ xúc tiến đầu tư nhà máy tại vùng 3, vùng 4 để nâng cao lợi thế cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm.
- Xây dựng Trung tâm phát triển mẫu để đẩy mạnh khâu thiết kế, từng bước chuyển đổi sang phương thức bán hàng ODM.
- Phát triển nguồn cung cấp nguyên liệu kịp thời, chất lượng với giá cả cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để tận dụng những lợi thế các Hiệp định Thương mại.
- Không ngừng cải tiến, hoàn thiện hệ thống chất lượng, mô hình Lean - Automation, 5S, tăng năng suất - chất lượng sản phẩm

Về đối ngoại:

- Duy trì, củng cố uy tín đối với các khách hàng truyền thống tại các thị trường Mỹ, EU và Nhật. Đồng thời, Công ty luôn tìm kiếm các khách hàng mới; đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị phần ra các thị trường tiềm năng.
- Tận dụng lợi thế từ các Hiệp định thương mại quốc tế, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường.
- Đầu tư thiết bị chuyên dụng nhằm tạo ra các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, giá trị gia tăng cao.
- Tập trung nghiên cứu mẫu mã, thiết kế mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước xây dựng định hướng sang phương thức ODM.

II. Quản trị Công ty**1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm ngày 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ (*)	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)	0 cổ phần	0%	
		Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4.749.732 cổ phần	15,83%	Tổ chức có liên quan
		Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	1.404.698 cổ phần	4,68%	Tổ chức có liên quan
2	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT không độc lập kiêm Tổng Giám đốc điều hành	0 cổ phần	0,00%	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Cty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan
3	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0 %	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan

4	Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	2.142.810 cổ phần	7,14%	Cá nhân sở hữu
		Công ty TNHH Tân Á	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan
		Công ty TNHH Thương mại Á Châu	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0%	
		Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	4.551.170 cổ phần	15,17%	Tổ chức có liên quan
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó Tổng Giám đốc điều hành	31.044 cổ phần	0,1%	Cá nhân sở hữu
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	75.905 cổ phần	0,25%	Cá nhân sở hữu

(*) Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2020

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ IV chưa thành lập các Tiểu ban. Hiện nay, Hội đồng Quản trị hoạt động trên cơ sở các thành viên cùng bàn bạc, quyết định về định hướng chiến lược phát triển, đầu tư, nhân sự, lương thưởng cũng như công tác kiểm soát nội bộ để Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý thực hiện.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị có 18 cuộc họp, trong đó có 11 cuộc họp trực tiếp và 07 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ Thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông BÙI TUẤN NGỌC	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)	05/12/2018	18/18	100%	
2	Ông LÊ HÙNG	Thành viên HĐQT không độc lập Kiêm Tổng Giám đốc điều hành Cty	05/12/2018	18/18	100%	
3	Ông LÂM TỬ THANH	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
4	Ông BÙI MINH TUẤN	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ Thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
5	Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
6	Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
7	Bà NGUYỄN MINH HẰNG	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó Tổng Giám đốc điều hành Cty	05/12/2018	18/18	100%	

3.2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020

Các Nghị quyết thông qua tại cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ-HĐQT/2020	09/01/2020	- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá chào bán là 15.000 đồng/cp (đã phân phối 8.137.570 cổ phiếu) - Thông qua danh sách phân bổ cổ phiếu chưa phân phối hết (777.867 cổ phiếu) cho Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh với giá chào bán 15.000 đồng/cp	100%
2	06/NQ-HĐQT/2020	06/02/2020	- Đăng ký tăng vốn Điều lệ từ 178.809.280.000 đồng lên thành 267.963.650.000 đồng - Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn tăng lên - Đăng ký và niêm yết chứng khoán bổ sung (8.915.437 cổ phiếu) từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu	100%
3	07/NQ-HĐQT/2020	24/02/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: - Ngày đăng ký cuối cùng : 30/03/2020 - Ngày Đại hội : 27/04/2020	100%
4	14/NQ-HĐQT/2019	31/03/2020	Dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không chậm hơn ngày 30/06/2020 (thay vì tổ chức Đại hội ngày 27/04/2020)	100%
5	19/NQ-HĐQT/2020	07/05/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: - Ngày đăng ký cuối cùng : 01/06/2020 - Ngày Đại hội : 24/06/2020	100%

6	27/NQ-HĐQT/2020	11/06/2020	Phê duyệt Garmex SaiGon và các Công ty con giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ là Công ty GILIMEX và các Cty trong hệ thống GILIMEX	100%
7	28/NQ-HĐQT/2020	11/06/2020	Phê duyệt nội dung tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
8	32/NQ- HĐQT/2020	13/07/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và Triển khai thực hiện phương án phát hành	100%
9	33/NQ- HĐQT/2020	13/07/2020	Chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020	100%
10	34/NQ- HĐQT/2020	20/07/2020	Phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	100%
11	35/NQ- HĐQT/2020	07/08/2020	Chốt Ngày Đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 là ngày 26/08/2020	100%
12	39/NQ- HĐQT/2020	17/09/2020	- Đăng ký tăng vốn Điều lệ từ từ 267.963.650.000 đồng lên thành 300.052.800.000 đồng - Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn tăng lên - Đăng ký và niêm yết chứng khoán bổ sung (3.208.915 cổ phiếu) từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	100%
13	40/NQ- HĐQT/2020	25/09/2020	Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn – Trung tâm phát triển sản phẩm	100%

Các Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý HĐQT kiến bằng văn bản

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua
1	41/NQ-HĐQT/2020	30/09/2020	Phê duyệt ngân sách đầu tư hệ thống lò hơi điện và trạm biến áp	85,7%
2	42/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
3	43/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
4	44/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng HSBC. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua	100%

			theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	
5	45/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng First Commercial Bank. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
6	46/NQ-HĐQT/2020	14/10/2020	Thông qua hợp đồng dịch vụ pháp lý	85,7%
7	47/NQ-HĐQT/2020	28/10/2020	Thưởng 9 tháng đầu năm 2020 cho CBCNV	85,7%
8	48/NQ-HĐQT/2020	17/11/2020	Phê duyệt Dự toán chi phí đầu tư Trung Tâm Phát triển sản phẩm	85,7%
9	49/NQ-HĐQT/2020	30/11/2020	Phê duyệt Sơ đồ tổ chức Công ty	85,7%
10	50/NQ-HĐQT/2020	31/12/2020	Phê duyệt Thuê Kho	85,7%

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Về điều hành sản xuất kinh doanh:

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh, kế hoạch công việc hàng tuần, hàng tháng, một cách linh hoạt để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng chiến lược của HĐQT – Định hướng xây dựng nhận dạng lại Thương hiệu và phát triển sản phẩm công nghệ cao. Quá trình thực hiện công tác điều hành quản lý Công ty tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Về quản lý tài chính:

- Tình hình tài chính công ty năm 2020 lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định.
- Chỉ đạo và giám sát việc quản lý chi phí, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.
- Giám sát việc phân bổ thù lao, quỹ thưởng năm 2019 của HĐQT, Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Về tổ chức bộ máy hoạt động:

Hội đồng quản trị giám sát việc tổ chức lại bộ máy hoạt động của Công ty

- Tổ chức lại nhân sự, phát triển sản phẩm, chuỗi cung ứng và cải tiến sản xuất
- Xây dựng lại chính sách lương, thưởng, rà soát và kiện toàn các quy trình làm việc để bộ máy của công ty hoạt động có hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý cũng như nâng cao tay nghề của công nhân nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của công ty.

4. Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật, thông lệ mới về quản trị Công ty, đồng thời cử đại diện tham gia các buổi phổ biến, thảo luận về các văn bản pháp luật, quy định về quản trị Công ty do Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tổ chức.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo về quản trị Công ty trong năm 2020 : Không có

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

5.1. Các thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chi trong năm 2020

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Lương	Tổng cộng
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	61%	39%	0%	100%
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	55%	45%	0%	100%
3	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	61%	39%	0%	100%
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	61%	39%	0%	100%
5	Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT	61%	39%	0%	100%
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính	18%	11%	71%	100%
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	16%	13%	70%	100%
8	Bà Phan Thị Phụng	Trưởng BKS	61%	39%	0%	100%
9	Bà Lê Thị Chín	Thành viên BKS	61%	39%	0%	100%
10	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên BKS	61%	39%	0%	100%
11	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0%	3%	97%	100%
12	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán Trưởng	0%	4%	96%	100%
13	Huỳnh Thị Kim Loan	Phụ trách quản trị công ty	0%	3%	97%	100%

5.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông có liên quan của người nội bộ

S TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
01	Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT	940.596	5,27%	2.142.810	7,15%	- Thực hiện quyền mua và nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (Nhận chuyển nhượng từ Cty TNHH Tân Á và Cty TNHH TM Á Châu) để tăng tỷ lệ nắm giữ - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
02	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT	18.479	0,10%	31.044	0,10%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
03	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	45.183	0,25%	75.905	0,25%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
04	Phan Thị Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	4.531	0,03%	7.610	0,03%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
05	Lê Thị Chín	Thành viên Ban Kiểm soát	4.531	0,03%	7.611	0,03%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
06	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	47	0,0003%	2.052	0,007%	- Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu - Mua tăng lượng cổ phiếu nắm giữ

07	Công ty TNHH Tân Á	Thành viên HĐQT - Lâm Tử Thanh là Giám đốc – ĐDPL Cty	502.331	2,82%	562.610	1,88%	- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (người nhận chuyển nhượng là ông Lâm Tử Thanh) - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
08	Công Ty TNHH Thương Mại Á Châu	Thành viên HĐQT - Lâm Tử Thanh là Giám đốc - ĐDPL Cty	502.331	2,82%	562.610	1,88%	- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (người nhận chuyển nhượng là ông Lâm Tử Thanh) - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
09	Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	Thành viên HĐQT – Bùi Minh Tuấn là Chủ tịch Cty	2.709.031	15,19%	4.551.170	15,19%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
10	Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Thiên Hải	Chủ tịch HĐQT – Bùi Tuấn Ngọc là Chủ tịch HĐTV Cty	2.827.222	15,86%	4.749.732	15,86%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
11	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	Chủ tịch HĐQT – Bùi Tuấn Ngọc là Chủ tịch HĐQT Cty	836.130	4,69%	1.404.698	4,69%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
12	Công ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	Thành viên HĐQT kiêm TGD Lê Hùng và TV HĐQT Nguyễn Việt Cường là Thành viên HĐQT Cty	1.799.042	10,09%	3.022.390	10,09%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

13	Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Ông Lê Hùng) là Chủ tịch HĐQT GILIMEX Thành viên HĐQT (Ông Nguyễn Việt Cường) là Thành viên HĐQT GILIMEX	0	0%	871.211	2,91%	- Mua cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-HĐQT/2020 ngày 09/01/2020 - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
----	---	---	---	----	---------	-------	---

5.3. Các giao dịch khác của cổ đông lớn trong năm 2020

Stt	Người thực hiện giao dịch	Ngày giao dịch làm thay đổi SLCP/tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu /SLCP đang lưu hành trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu /SLCP đang lưu hành sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế	14/01/2020	2.118.419	11,88%	3.558.943	11,88%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

5.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2020, không có phát sinh giao dịch liên quan đến người nội bộ (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phụ trách quản trị Công ty). Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm và giá trị giao dịch với công ty năm 2020	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Transimex	Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex là Chủ tịch HĐQT Công ty	Giao dịch vận chuyển hàng hóa cho Công ty từ 19/02/2019 theo Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT/2019 ngày 19/02/2019 Giá trị : 2.455.394.453 đồng	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty
2	Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX)	Chủ tịch HĐQT GILIMEX là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	Giao dịch Gia công may, mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (liên quan đến quá trình gia công) từ 11/06/2020 :	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với tổ chức có

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm và giá trị giao dịch với công ty năm 2020			Ghi chú
		Thành viên HĐQT GILIMEX (ông Nguyễn Việt Cường) là thành viên HĐQT Công ty	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	liên quan đến người nội bộ Công ty
			Gia công may	169.438	136.975.144.240	
			Dịch vụ		95.700.000	
				169.438	137.070.844.240	

Giao dịch giữa Công ty với công ty con, giữa Công ty với chi nhánh của công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm và giá trị giao dịch với công ty năm 2020	Ghi chú																																							
1	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	Giao dịch năm 2018 – 2019 – 2020 theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017: - Garmex Sài Gòn cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Cty TNHH May Tân Mỹ từ các giao dịch : <table><thead><tr><th>Giao dịch</th><th>Số lượng (cái)</th><th>Giá trị</th></tr></thead><tbody><tr><td>Quần, áo</td><td>10.583</td><td>100.267.189</td></tr><tr><td>Nguyên phụ liệu</td><td></td><td>162.552.062</td></tr><tr><td>Thuê nhà xưởng, thuê MMTB</td><td></td><td>4.930.998.392</td></tr><tr><td>Bán máy móc thiết bị</td><td>148</td><td>7.093.121.975</td></tr><tr><td>Dịch vụ</td><td></td><td>544.699.758</td></tr><tr><td>Gia công may</td><td>8.283</td><td>756.905.026</td></tr><tr><td>CỘNG</td><td>19.014</td><td>13.588.544.402</td></tr></tbody></table> - Cty TNHH May Tân Mỹ gia công may, bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon từ các giao dịch: <table><thead><tr><th>Giao dịch</th><th>Số lượng (cái)</th><th>Giá trị</th></tr></thead><tbody><tr><td>Gia công may</td><td>1621875</td><td>104.259.996.71</td></tr><tr><td>Nguyên phụ liệu</td><td></td><td>360.862.41</td></tr><tr><td>Dịch vụ</td><td></td><td>88.229.16</td></tr><tr><td>CỘNG</td><td>1.621.875</td><td>104.709.088.29</td></tr></tbody></table>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Quần, áo	10.583	100.267.189	Nguyên phụ liệu		162.552.062	Thuê nhà xưởng, thuê MMTB		4.930.998.392	Bán máy móc thiết bị	148	7.093.121.975	Dịch vụ		544.699.758	Gia công may	8.283	756.905.026	CỘNG	19.014	13.588.544.402	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Gia công may	1621875	104.259.996.71	Nguyên phụ liệu		360.862.41	Dịch vụ		88.229.16	CỘNG	1.621.875	104.709.088.29	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với Công ty con
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Quần, áo	10.583	100.267.189																																									
Nguyên phụ liệu		162.552.062																																									
Thuê nhà xưởng, thuê MMTB		4.930.998.392																																									
Bán máy móc thiết bị	148	7.093.121.975																																									
Dịch vụ		544.699.758																																									
Gia công may	8.283	756.905.026																																									
CỘNG	19.014	13.588.544.402																																									
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Gia công may	1621875	104.259.996.71																																									
Nguyên phụ liệu		360.862.41																																									
Dịch vụ		88.229.16																																									
CỘNG	1.621.875	104.709.088.29																																									
2	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	Giao dịch năm 2018 – 2019 – 2020 theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017: - Garmex Sài Gòn cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Garmex Quảng Nam từ các giao dịch : <table><thead><tr><th>Giao dịch</th><th>Số lượng (cái)</th><th>Giá trị</th></tr></thead><tbody><tr><td>Quần, áo</td><td>7071</td><td>154.858.394</td></tr><tr><td>Nguyên phụ liệu</td><td></td><td>211.188.308</td></tr><tr><td>Dịch vụ</td><td></td><td>494.508.412</td></tr><tr><td>Máy móc thiết bị</td><td>117</td><td>3.600.168.920</td></tr><tr><td>CỘNG</td><td>7188</td><td>4.460.724.034</td></tr></tbody></table> - Garmex Quảng Nam gia công may, bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon từ các giao dịch: <table><thead><tr><th>Giao dịch</th><th>Số lượng (cái)</th><th>Giá trị</th></tr></thead><tbody><tr><td>Gia công may</td><td>2.073.311</td><td>113.113.149.655</td></tr><tr><td>Nguyên phụ liệu</td><td></td><td>19.047.282</td></tr><tr><td>Dịch vụ</td><td></td><td>92.500.000</td></tr><tr><td>CỘNG</td><td>2.073.311</td><td>113.224.696.937</td></tr></tbody></table>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Quần, áo	7071	154.858.394	Nguyên phụ liệu		211.188.308	Dịch vụ		494.508.412	Máy móc thiết bị	117	3.600.168.920	CỘNG	7188	4.460.724.034	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Gia công may	2.073.311	113.113.149.655	Nguyên phụ liệu		19.047.282	Dịch vụ		92.500.000	CỘNG	2.073.311	113.224.696.937	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với Công ty con						
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Quần, áo	7071	154.858.394																																									
Nguyên phụ liệu		211.188.308																																									
Dịch vụ		494.508.412																																									
Máy móc thiết bị	117	3.600.168.920																																									
CỘNG	7188	4.460.724.034																																									
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Gia công may	2.073.311	113.113.149.655																																									
Nguyên phụ liệu		19.047.282																																									
Dịch vụ		92.500.000																																									
CỘNG	2.073.311	113.224.696.937																																									

Giao dịch giữa người có liên quan của người nội bộ với công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với người nội bộ Công ty	Tên Công ty con, Cty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Nội dung, thời điểm, giá trị giao dịch với Công ty năm 2020	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Transimex	Người nội bộ Cty : - Ông BUI TUẤN NGOC là Chủ tịch HĐQT Transimex - Ông BUI MINH TUẤN là thành viên HĐQT Transimex	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam là Công ty con do Cty nắm quyền kiểm soát	Transimex vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH Garmex Quảng Nam từ ngày 31/07/2020 đến 31/12/2020 Giá trị: 150.643.176 đồng	Giao dịch thường xuyên giữa tổ chức có liên quan tới người nội bộ với Cty con của Cty

Giao dịch giữa Công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Nội dung, Thời điểm giao Dịch với công ty	Ghi chú
1	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	Garmex Quảng Nam là Công ty con của Garmex SaiGon - Bà NGUYỄN MINH HẰNG là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Năm 2018 -2019 - 2020 : - Garmex SaiGon giao dịch cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Garmex Quảng Nam - Garmex Quảng Nam gia công may, bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon	Giao dịch thường xuyên theo Nghị Quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BUI TUẤN NGỌC





CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎ ✉

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

1. Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam

Năm 2020, kinh tế thế giới đối diện với nhiều khó khăn, thách thức không chỉ từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mà đại dịch COVID-19 đã gây ra tình trạng gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hẹp tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính thông qua các gói hỗ trợ kinh tế lớn làm gia tăng nợ công, thâm hụt ngân sách của các quốc gia, đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm, tăng trưởng âm. (WB dự báo GDP toàn cầu giảm 4,3% năm 2020).

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, với quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu kép : vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, Việt Nam đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh Covid -19 và đạt được mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với năm 2019 và thuộc nhóm nước có nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.

2. Tình hình ngành may mặc

Trong năm 2020, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành may mặc nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19 và sự cạnh tranh giữa các quốc gia dệt may ngày càng gay gắt hơn do cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại, làm các đơn hàng may mặc xuất khẩu giảm và dần chuyển sang các quốc gia có chi phí nhân công rẻ hơn như: Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ. Do đó theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, trị giá xuất khẩu hàng dệt may năm 2020 đạt 35,2 tỷ USD giảm 9,3% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã và đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam để chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi kinh tế hậu Covid-19, đầu tư sản xuất, tận dụng các cơ hội của CPTPP và các FTA đã ký kết. Tuy nhiên, quy tắc xuất xứ là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp ngành may tại Việt Nam khi phần lớn các nguyên liệu đều nhập khẩu từ Trung Quốc do trong nước không đáp ứng đủ nguyên vật liệu để sản xuất và các doanh nghiệp may hiện tại của Việt Nam vẫn chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào.

Đứng trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và ngành may mặc, đơn hàng xuất khẩu của Công ty giảm 22%, Công ty phải tăng cường tìm đơn hàng gia công trong nước để ổn định sản xuất, ổn định lực lượng lao động và đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời chuẩn bị nguồn lực khi kinh tế hồi phục bằng việc xây dựng và thực hiện các biện pháp như sau:

- Công ty đánh giá, cơ cấu lại bộ máy hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, tạo nền tảng và

cơ sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

- Các quy trình sản xuất đã được cải tiến, hệ thống quản lý chất lượng dần hoàn thiện góp phần giảm chi phí trong sản xuất.
- Quản lý tốt chuỗi cung ứng, xây dựng, cập nhật các kế hoạch, phương án phù hợp cho từng đơn hàng nhằm quản lý tiêu hao nguyên phụ liệu, cung ứng kịp thời, giảm thời gian chờ việc, gián đoạn trong sản xuất.
- Tăng cường tuyển dụng lao động để mở rộng quy mô sản xuất.
- Chuyển đổi nhanh và kịp thời đơn hàng tại một số Nhà máy của Công ty.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	1.747.771	1.474.566	-15,63%
2	Giá vốn hàng bán	1.454.755	1.272.030	-12,56%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	6.804	11.628	70,90%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	162.808	149.237	-8,34%
5	Phần lỗ trong công ty liên kết	0	2.562	100,00%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137.012	62.365	-54,48%
7	Lợi nhuận khác	-2.146	2.542	-218,45%
8	Lợi nhuận trước thuế	134.866	64.907	-51,87%
9	Lợi nhuận sau thuế	104.449	46.414	-55,56%
10	Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	4.965	1.564	-68,50%

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.475 tỷ đồng, giảm 15,63% và lợi nhuận trước thuế là 64,9 tỷ đồng, giảm 51,87% so với năm 2019. Trong đó, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 62,3 tỷ đồng, giảm 54,48% so với năm 2019. Tuy kết quả kinh doanh giảm so với năm 2019, nhưng đã thể hiện sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã luôn vững vàng vượt qua thách thức, khó khăn của ngành may nói riêng và tác động của dịch bệnh Covid 19, được khẳng định qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 03 năm gần đây như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ
							KH 2020	Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.038.901	1.747.771	1.474.566	1.300.000	113.43%	-15,63%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	141.462	134.865	64.908	23.000	282.21%	-51,87%
3	Tỷ lệ LNTT/DTT	%	6,94%	7,72%	4,40%	1,77%	248.80%	43,00%
4	Cổ tức/VĐL	%	30%	12%		5%		

1. Tổ chức và nhân sự

1.1. Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Căn cứ Danh sách chốt ngày 26/08/2020)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Lê Hùng	Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%	
3	Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	31.044 cổ phần	0,10%	
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%	

Những thay đổi trong Ban điều hành : Trong năm 2020, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành

1.2. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động Công ty gồm 4.183 người, cơ cấu như sau:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ trọng
I	Theo giới tính:	4.183	100,00%
	Nam	837	20,01%
	Nữ	3.346	79,99%
II	Theo hợp đồng lao động:	4.183	100,00%
	Không xác định thời hạn	2.843	67,97%
	Xác định thời hạn	1.340	32,03%
III	Theo trình độ:	4.183	100,00%
	Đại học	186	4,45%
	Cao đẳng	164	3,92%
	Phổ thông	3.833	91,63%

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc, Công ty sử dụng nguồn nhân lực lớn. Do đó, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng cho việc phát triển Công ty bền vững. Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định về số lượng lẫn chất lượng, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến các chính sách lao động. Với quan điểm “lao động là vốn quý”, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra và thực hiện các chính sách nhằm cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động:

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và thoải mái thông qua cải tiến quy trình trong sản xuất “LEAN and AUTOMATION” từ Công ty đến Nhà máy
- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng để công nhân yên tâm sản xuất
- Đánh giá định kỳ công việc của từng người lao động dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (skill matrix), đánh giá thành quả công việc (KPI) nhằm xác định chính xác, công bằng về vị trí bổ nhiệm, xét duyệt tăng lương, thưởng cho từng vị trí đang chịu trách nhiệm;
- Thúc đẩy công tác đào tạo, tự đào tạo. Tạo điều kiện để phát triển, phát huy tối đa năng lực CBCNV.
- Thực hiện đúng quy định pháp luật về chế độ, chính sách cho người lao động;
- Cải thiện các chính sách lương, thưởng và trợ cấp phù hợp, thu nhập xứng đáng với tâm sức đóng góp của người lao động, đảm bảo an sinh cho người lao động.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

2.1. Các khoản đầu tư lớn (Đầu tư tài chính, đầu tư dự án) : Trong năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư này

2.2. Đầu tư vào Công ty con:

Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	93.724	98.940	5,6%
2	Giá vốn hàng bán	83.117	88.084	6,0%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	16	51	218,8%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	25.717	22.017	-14,4%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-15.094	-11.110	26,4%
6	Lợi nhuận khác	-170	45	126,2%
7	Lợi nhuận trước thuế	-15.264	-11.065	Giảm lỗ 27,5%
8	Lợi nhuận sau thuế	-15.264	-11.065	Giảm lỗ 27,5%

Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC). Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 600.000 USD.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam :

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	103,793	102,540	-1.2%
2	Giá vốn hàng bán	91,266	101,222	10.9%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	50	24	-52.0%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	9,807	2,357	-76.0%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,770	(1,015)	
6	Lợi nhuận khác	(2,114)	(92)	-95.6%
7	Lợi nhuận trước thuế	656	(1,107)	
8	Lợi nhuận sau thuế	656	(1,107)	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Garmex Quảng Nam năm 2020 lỗ 1,1 tỷ đồng là do:

- Doanh thu giảm 1 tỷ đồng, tỷ lệ giảm là 1,2% trong năm 2020 đơn hàng may mặc giảm do đó Công ty không đủ hàng làm cho công nhân phải chuyển đổi nhanh sang hàng may mặc.
- Giá vốn tăng 9,9 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 10,9 % do :
Khi chuyển đổi sang sản xuất tử công nghiệp, công nhân chưa quen với quy trình sản xuất mới, thao tác còn chậm, nên năng suất lao động thấp.

Trong năm Công ty Garmex Quảng Nam có tuyển thêm lao động mới để mở rộng sản xuất nên chi phí bù lương tăng. Lao động bình quân năm 2019 là 542 người, lao động bình quân năm 2020 là 771 người. Lao động có mặt vào thời điểm 31/12/2020 : 858 người; năm 2019: 629 người.

- Chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác giảm 7,4 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 76% do cắt giảm hoạt động của chi nhánh Blue Saigon LLC.

Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 1.700.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long năm 2020 : Trong năm 2020, tạm ngưng kinh doanh, đã thu hồi hết công nợ và đang tiến hành làm thủ tục giải thể

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020 so với 2019
1	Tổng tài sản	395	534	135.19%
2	Doanh thu thuần			
3	Lợi nhuận sau thuế	(32)	139	534.38%

2.3. Đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty cổ phần Phú Mỹ : Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 4.341.000.000 VND – Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn điều lệ.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

- Số cổ phần: 207.701 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VND (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.959.545.000 VND)

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Số cổ phần: 25.266 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VND

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VND

Thay đổi tình hình đầu tư tài chính: không có

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020 so với 2019
Tổng giá trị tài sản	1,028,988	1,222,790	18.83%
Doanh thu thuần	1,747,771	1,474,566	-15.63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137,011	62,366	-54.48%
Lợi nhuận khác	-2,146	2,542	-218.45%
Lợi nhuận trước thuế	134,865	64,908	-51.87%
Lợi nhuận sau thuế	104,449	46,414	-55.56%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%		-58.33%

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	1,53	1,85
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,91	1,41
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,02	46,15
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	112,85	85,71
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,68	4,47
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,71	1,31
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,98	3,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,18	8,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,24	4,12
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần		7,84	4,23

Chỉ số khả năng thanh toán

Công ty luôn chủ động thanh toán đầy đủ các khoản nợ và kịp thời cân đối cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm duy trì tốt khả năng thanh toán và tính thanh khoản. Do đó, các chỉ số thanh toán của Công ty cải thiện rõ rệt. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,85 lần, tăng 21% so với mức 1,53 lần của năm 2019; hệ số thanh toán nhanh đạt mức 1,41 lần, tăng 55% so với mức 0,91 lần của năm 2019.

Sự tăng trưởng của các hệ số này là nhờ vào việc ghi nhận tăng khoản tiền gửi ngân hàng. Trong năm, Công ty phát hành tăng vốn điều lệ bổ sung vốn lưu động đồng thời triển khai thực hiện chính sách thu hồi công nợ từ các khách hàng nhằm hạn chế việc bị bị lạm dụng vốn lưu động, dẫn đến chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khách hàng giảm và tiền gửi ngân hàng tăng. Nợ ngắn hạn phải trả tăng nhẹ so với năm trước chủ yếu do tăng nợ ngắn hạn, giảm các khoản phải trả người bán, người lao động, các khoản phải nộp Nhà nước và các khoản phải trả khác.

Chỉ số đòn bẩy tài chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất theo đơn hàng nên nhu cầu về vốn lưu động lớn và được tài trợ chủ yếu từ nợ vay. Nợ vay ngắn hạn năm 2020 đạt 364 tỷ, tăng 46.6% so với năm 2019 tuy nhiên, phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp, phải trả người lao động, phải trả khác .. giảm 36,56% nên tổng nợ ngắn hạn tăng nhẹ 2.3% so với năm 2019. Công ty không phát sinh khoản vay trung dài hạn trong năm 2020 đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Do đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2019, lần lượt đạt 46,15% và 85,71%.

Chỉ số năng lực hoạt động

Do tác động của dịch bệnh Covid 19 và sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp ngành may mặc tại thị trường trong và ngoài nước đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, ngành may mặc Việt Nam nói chung cũng như Garmex Sài Gòn nói riêng bị ảnh hưởng rất lớn, đơn hàng giảm làm doanh thu thuần giảm 15,63% còn 1.475 tỷ đồng, giá vốn giảm 12,6% còn 1.272 tỷ đồng năm 2020.

Doanh thu xuất khẩu hàng may mặc năm 2020 đạt 1.346 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2019. Công ty đã chuyển đổi 2 nhà máy sang sản xuất hàng tù công nghiệp nên doanh thu nội địa tăng mạnh hơn 14 lần so với năm 2019, đạt gần 129 tỷ đồng năm 2020.

Chỉ số khả năng sinh lợi

Do ảnh hưởng từ khó khăn chung của ngành, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như hiệu suất sinh lợi ROA, ROE của Công ty đều giảm. Cụ thể hiệu suất sinh lợi ROE đạt 8,13%, giảm so với mức 24,18% của năm 2019; hiệu suất sinh lợi ROA cũng giảm xuống mức 4,12% vào năm 2020. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần cũng giảm so với năm trước, lần lượt đạt mức 3,15% và 4,23% năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm mạnh về doanh thu, nhưng tỷ lệ giảm giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa tương xứng với tỷ lệ giảm doanh thu.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

4.1. Cổ phần: Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2020

- Tổng số cổ phiếu phát hành : 30.005.280 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 49.260 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020 cổ phiếu
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

4.2. Cơ cấu cổ đông : Cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2020

Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	-	2.265.032	2.265.032	7,549
II. Cổ phiếu quỹ	-	49.260	49.260	0,164
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	777.867	26.913.121	27.690.988	92,287
1. Trong nước	777.867	23.804.729	24.582.596	81,927
1.1 Cá nhân	-	4.236.782	4.236.782	14,120
1.2 Tổ chức	777.867	19.567.947	20.345.814	67,807
- Trong đó Nhà nước:	-	-	-	-

2. Nước ngoài	-	3.108.392	3.108.392	10,360
2.1 Cá nhân	-	1.897.434	1.897.434	6,324
2.2 Tổ chức	-	1.210.958	1.210.958	4,036
TỔNG CỘNG	777.867	29.227.413	30.005.280	100,00

Danh sách cổ đông lớn:

STT	Cổ đông lớn	Số ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	01/04/2010	56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TpHCM	4.749.732	15,83%
2	Công ty cổ phần đầu tư T.T.A	0315279901	25/01/2019	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	4.551.170	15,17%
3	Công ty cổ Phần Dệt May Gia Định	0300744507	05/08/2016	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	3.022.390	10,07%
4	Công Ty cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	10/01/2017	93 An Dương Vương, P, An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	3.558.943	11,86%
5	Lâm Tử Thanh	21841229	19/07/1996	186 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Tp,HCM	2.142.810	7,14%
	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	46810	27/01/1992	6 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, Tp.HCM	562.610	1,88%
	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	49523	22/04/2001	90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An,	562.610	1,88%
Tổng Cộng					19.150.265	63,82%

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2020, Công ty có 2 đợt tăng vốn cổ phần :

Đợt 1 : Ngày 14/01/2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 :

- Tỷ lệ phát hành : 2:1
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 8.915.437 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Giá phát hành : 15.000 đồng/cổ phiếu

Kết quả thay đổi vốn cổ phần vào ngày 14/01/2020 như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi (đồng)	Thay đổi Tăng (+)/giảm (-) (đồng)	Sau khi thay đổi (đồng)
1	Vốn điều lệ	178.809.280.000	+ 89.154.370.000	267.963.650.000
2	Cổ phiếu quỹ	(863.138.686)	-	(863.138.686)
3	Thặng dư vốn cổ phần	28.314.942.370	+ 44.372.885.000	72.687.827.370

Đợt 2: Ngày 31/08/2020, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- Tỷ lệ trả cổ tức : 12%
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 3.208.915 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng

Kết quả thay đổi vốn cổ phần như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi (đồng)	Thay đổi Tăng (+)/giảm (-) (đồng)	Sau khi thay đổi (đồng)
1	Vốn điều lệ	267.963.650.000	+ 32.089.150.000	300.052.800.000
2	Cổ phiếu quỹ	(863.138.686)	-	(863.138.686)
3	Thặng dư vốn cổ phần	72.687.827.370	-	72.687.827.370

4.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ :** Trong năm 2020, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

4.5. **Các chứng khoán khác:** Trong năm 2020, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch chứng khoán nào.

II. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc năm 2020

1. Môi trường kinh doanh 2020

Trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, nền kinh tế tăng trưởng thấp nhất trong những năm gần đây, ngành may mặc gặp khó khăn do đơn hàng giảm, Ban lãnh đạo cùng với cán bộ công nhân viên từng bộ phận, phòng ban phối hợp, thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2020, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020 so với 2019
1	Tổng giá trị tài sản	1,028,988	1,222,790	18.83%
2	Tài sản ngắn hạn	820,453	1,011,790	23.32%
3	Hàng tồn kho	330,557	239,045	-27.68%
4	Tổng nợ	545,563	564,362	3.45%
5	Nợ ngắn hạn	535,594	547,987	2.31%

6	Vốn chủ sở hữu	483,425	658,428	36.20%
7	Doanh thu thuần	1,747,771	1,474,566	-15.63%
8	Lợi nhuận trước thuế	134,865	64,908	-51.87%
9	Lợi nhuận sau thuế	104,449	46,414	-55.56%

Để đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị chỉ đạo, phối hợp, trao đổi với Ban lãnh đạo đánh giá, phân tích thị trường, đưa ra các giải pháp duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, thể hiện qua:

- Công tác thực hiện, triển khai mô hình LEAN kết hợp hệ thống quản lý 5S trên toàn hệ thống Công ty và Nhà máy;
- Đẩy mạnh đầu tư các thiết bị, máy móc chuyên dụng; đánh giá và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thường xuyên nhằm mang đến năng suất cao trong sản xuất;
- Điều chỉnh các chính sách lao động theo hướng nâng cao đời sống nhân công, phù hợp với văn hóa công ty – xem “lao động là vốn quý”
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật khối lượng đơn hàng, thời gian hoàn thành, đưa ra kế hoạch quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả, quản lý tiêu hao nguyên vật liệu, cung ứng kịp thời, tránh gián đoạn sản xuất.
- Chuyển đổi nhanh và kịp thời đơn hàng gia công từ công nghiệp khi đơn hàng may mặc giảm.

Doanh thu

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu xuất khẩu	2.020.718	1.739.338	1.345.879
2	Doanh thu nội địa	18.183	8.433	128.687
3	Doanh thu hoạt động tài chính	17.133	6.804	11.628
4	Thu nhập khác	2.913	1.372	2.723
	Tổng doanh thu	2.058.947	1.755.947	1.488.917

Diễn biến phức tạp của thương chiến Mỹ - Trung khiến nhu cầu về sản phẩm may mặc toàn cầu giảm đáng kể và Việt Nam – một trong số những quốc gia chuyên xuất khẩu hàng may mặc – cũng không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng. Đồng thời, sự khan hiếm đơn hàng đã đẩy mức độ cạnh tranh trong ngành và quyền thương lượng của người mua lên cao, gây ra áp lực giảm giá bán. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho doanh thu không đạt được kế hoạch đề ra.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ xuất khẩu vẫn duy trì tỷ trọng cao. Ngoài việc giữ vững uy tín và duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng truyền thống, Công ty thường xuyên tìm kiếm các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng, nâng cao vị thế của doanh nghiệp với khách hàng, từng bước mở rộng thị phần trên thị trường thế giới.

Chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
					2020 so với 2019
1	Giá vốn hàng bán	1.675.340	1.454.755	1.272.030	-12,6%
2	Chi phí tài chính	22.523	12.769	20.024	56,8%
3	Chi phí bán hàng	63.350	21.114	12.580	-40,4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	156.212	128.926	116.632	-9.5%
5	Chi phí khác	351	3.517	182	-94.8%

Trước bối cảnh khó khăn của ngành, Công ty thực hiện các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, tăng lợi nhuận Công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Chi phí giá vốn đạt 1.272 tỷ, giảm

12,6% so với năm 2019 do doanh thu giảm nên các khoản biến phí liên quan đến sản xuất giảm. Tuy nhiên do các khoản định phí chưa điều chỉnh theo doanh thu nên tỷ lệ giảm giá vốn chưa tương xứng với tỷ lệ giảm doanh thu. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt lần lượt là 12,58 tỷ đồng và 116,6 tỷ đồng vào năm 2020, tương đương giảm 40,4% và 9,5% so với năm 2019. Chi phí tài chính đạt 20 tỷ đồng năm 2020, tăng 56,8% so với năm 2019 chủ yếu do khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn	628,853	655,451	778,442	820,453	1,011,790
2	Tài sản dài hạn	254,615	252,833	232,231	208,535	211,000
	Tổng tài sản	883,468	908,284	1,010,673	1,028,988	1,222,790

Công tác quản lý công nợ được theo dõi sát sao các khoản công nợ được thu hồi hầu hết đúng hạn tạo dòng tiền tương đối ổn định. Tiền gửi ngân hàng tăng từ 233 tỷ đồng cuối năm 2019 lên 584 tỷ đồng vào cuối năm 2020. Các khoản phải thu khách hàng đạt 166 tỷ đồng năm 2020, giảm 23,3% so với năm 2019. Do đơn hàng giảm nên hàng tồn kho cuối năm 2020 đạt 239 tỷ đồng, giảm 27,7% so với năm 2019.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nợ ngắn hạn	553.574	540.956	609.381	535.594	547.987
2	Nợ dài hạn	51.382	47.048	20.696	9.969	16.375
3	Vốn chủ sở hữu	278.513	320.280	380.597	483.425	658.428
	Tổng nguồn vốn	883.469	908.284	1.010.674	1.028.988	1.222.790

Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và nguồn tài trợ chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm. Năm 2020 Công ty tiếp tục thay đổi dần cơ cấu nợ - nguồn vốn, tăng dần vốn tự có để sản xuất kinh doanh. Nợ ngắn hạn năm 2020 tăng nhẹ, số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 548 tỷ đồng, tăng 12 tỷ đồng so với 2019. Các khoản nợ dài hạn tăng từ 10 tỷ đồng năm 2019 lên 16 tỷ đồng năm 2019 do phát sinh khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả (7,3 tỷ đồng) và khoản dự phòng phải trả dài hạn (9 tỷ đồng).

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Vốn lưu động ròng	75.280	114.496	169.061	274.890	463.802
Vòng quay vốn lưu động	28,16	14,02	12,06	8,26	3,94

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức:

- Tiếp tục nhân rộng hoàn thiện mô hình LEAN, 5S tại các Nhà máy trực thuộc.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, góp phần tăng năng suất.
- Tạo điều kiện cho người lao động phát triển, phát huy tối đa năng lực.
- Rà soát và cơ cấu lại sơ đồ tổ chức, nhân sự của các phòng ban đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Chính sách hoạt động:

- Đánh giá và cải tiến quy trình sản xuất, thực hiện mô hình LEAN & Automation, 5S, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, nhằm kiểm soát chi phí trong sản xuất
- Người lao động hưởng lương theo hiệu quả và năng suất nhằm tạo động lực làm việc và nâng cao trách nhiệm với công việc đang đảm nhận.
- Công ty thường xuyên có các buổi đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kiến thức chuyên môn và tay nghề.
- Đầu tư thiết bị sản xuất kết hợp kiểm tra, đánh giá định kỳ máy móc thiết bị, lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng nhằm đảm bảo hiệu quả công năng và an toàn trong lao động.

Công tác quản lý Công ty:

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi.
- Nhân viên có thành tích nổi trội được nâng thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu tăng trưởng doanh thu bình quân 20%/ năm cho giai đoạn phát triển 05 năm (2020-2024), đến năm 2024 đạt mức doanh thu trên 200 triệu USD, 150 chuyên may, đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tuy nhiên, trước tình hình dịch bệnh toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế và trong đó ngành may mặc chịu ảnh hưởng không nhỏ. Vì vậy, tùy theo tình hình thực tế Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty sẽ quyết định điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong năm 2020 – 2021 nhưng sẽ tạo bước ổn định, đón đầu và tìm kiếm thêm cơ hội phát triển khi kinh tế phục hồi cho những năm kế tiếp.

Giải pháp để hoàn thành kế hoạch:

- Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, sắp xếp lại nhân sự của các phòng ban đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Ngành may thời trang vẫn là ngành cốt lõi, tập trung phát triển lâu dài của Công ty, do đó Công ty sẽ xúc tiến đầu tư nhà máy tại vùng 3, vùng 4 để nâng cao lợi thế cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm.
- Đầu tư máy móc thiết bị chuyên dụng, cải tiến quy trình sản xuất nâng cao năng suất.
- Cải tạo nhà xưởng, cải thiện môi trường làm việc sạch, xanh cho người lao động.
- Đầu tư xây dựng Trung Tâm phát triển mẫu, chú trọng phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị cao.
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

5. Báo cáo phát triển bền vững:

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chủ yếu trong sản xuất ngành may mặc của Công ty là nguyên liệu vải và vật liệu giấy đóng gói. Trong năm 2020, Công ty sử dụng tổng cộng 9.744.104 yds vải và 723.339 kg giấy để sản xuất và đóng gói các sản phẩm may các loại. Tỷ lệ tái chế nguyên vật liệu để sử dụng lại là 0%.

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

STT	Tổng năng lượng sử dụng	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020/2019
1	Tổng lượng điện tiêu thụ	Kw-h	5.679.095	5.284.167	4.949.463	-6,33%
2	Tổng lượng gas tiêu thụ	Kg	49.831	43.456	59.354	36,58%
3	Tổng lượng dầu tiêu thụ	Lít	24.457	29.210	31.001	6,13%
4	Tổng lượng xăng tiêu thụ	Lít	12.890	10.585	14.948	41,22%
5	Tổng lượng than tiêu thụ	Kg	292.256	317.268	278.549	-12,20%

Các năng lượng tiêu hao chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty là điện dùng cho sản xuất và than dùng cho lò hơi

Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2020 giảm là do Công ty đã triển khai các sáng kiến tiết kiệm năng lượng cho toàn hệ thống Công ty nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng để nhân công làm việc nên lượng tiêu thụ điện giảm 6,33% so với năm 2019, chi tiết như sau:

- Thay thế các bóng đèn điện huỳnh quang thông thường thành bóng đèn led; thay thế các thiết bị mới tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu lượng điện năng hao hụt không cần thiết;
- Sử dụng hợp lý các thiết bị tiêu hao điện, ngắt thiết bị tiêu hao điện năng khi không sử dụng;
- Định kỳ lau chùi đèn, chóa đèn để tăng độ chiếu sáng, đảm bảo độ sáng cho sản xuất.
- Vận hành hệ thống làm mát nhà xưởng theo quy định;
- Thay thế dần các máy một kim thể hệ cũ bằng máy một kim cắt chỉ tự động (moter điện từ) ít hao điện hơn.
- Công ty luôn đề cao chính sách và ghi nhận các sáng kiến góp phần giảm năng lượng tiêu thụ

Nhiệt năng sử dụng than giảm 12,20% do Công ty thay thế nồi hơi phục vụ sản xuất bằng lò hơi sử dụng điện để thân thiện với môi trường hơn.

Lượng dầu tiêu thụ tăng 6,13% : Do số lượng công nhân tăng 10,87% so với năm 2019 nên số lượng máy dùng trong sản xuất tăng

Lượng tiêu thụ gas tăng 36,58% : Chủ yếu là dùng nấu ăn cho công nhân. Trong năm 2020, số lượng công nhân tăng và các bữa ăn giữa ca cho công nhân cũng tăng so với 2019

Lượng xăng tiêu thụ tăng 41,22% với năm 2019 chủ yếu do vận chuyển hàng hóa phục vụ cho sản xuất và di chuyển của CBCNV đi công tác. Trong năm 2021, Công ty có kế hoạch giảm 5% lượng xăng thông qua việc lập kế hoạch vận chuyển và dự tính tuyến đường lưu chuyển hợp lý.

5.3. Tiêu thụ nước:

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước sử dụng năm 2020 (m ³)	Tổng lượng nước tái chế sử dụng (m ³)
1	Nước ngầm	24.323	0
2	Nước Thủy cục	41.448	0
Tổng cộng		65.771	0

Trong năm 2020, Công ty sử dụng 65.771 m³ nước. Toàn bộ lượng nước tiêu thụ chủ yếu dùng cho mục đích sinh hoạt do công ty chỉ nhập nguyên vật liệu để may và không có hoạt động dệt, nhuộm. Công ty cũng chưa có quy trình tái chế sử dụng nước thải nên không có lượng nước sử dụng do tái chế

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường (có hệ thống xử lý nước thải, phân loại rác thải). Do đó, trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này.

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động

5.5.1. Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động trong năm 2020 : 4.183 người – tăng 10,87% so với năm 2019 (3.773 người)

STT	Phân loại	Thu nhập trung bình năm 2020 (đồng/người/tháng)
	Thu nhập của người lao động	
	- Khối Gián tiếp	12.338.771
	- Khối Trực tiếp	8.031.415

5.5.2. Công tác chăm lo người lao động:

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng, nhất là ngành nghề sử dụng lao động cao như Garmex SaiGon. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến người lao động, chính sách nhân sự luôn được cải thiện và điều chỉnh để tạo động lực cho người lao động làm việc. Cụ thể các công tác chăm lo cho người lao động năm 2020 như sau:

An toàn lao động:

- Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân và phổ biến các quy định về an toàn trong lao động
- Tổ chức đào tạo huấn luyện an toàn vệ sinh lao động 1 năm/1 lần (4 giờ) , định kỳ kiểm tra an toàn vệ sinh lao động 2 lần/tháng
- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống PCCC của các Nhà máy Công ty để đảm bảo vận hành tốt, định kỳ diễn tập PCCC tại các nhà máy 2 lần/năm

Lương, thưởng, phúc lợi:

- Chính sách chăm lo cho người lao động 2020: Chăm sóc cho nữ lao động đơn thân nuôi con từ 500.000 – 800.000 đồng/tháng, trợ cấp gửi trẻ 125.000 đồng/cháu, tổ chức chăm lo cho lao động nữ nhân ngày 8/3, 20/10, thưởng cho NLĐ nhân các ngày lễ lớn trong năm.
- Thưởng năng suất, thưởng chuyên cần và thưởng đánh giá KPI
- Thưởng cuối năm 2020 gồm: Thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh là 1,5 tháng lương bình quân, thưởng thâm niên công tác.

Các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Tổ chức tư vấn và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm, mua gói sức khỏe cho cán bộ chủ chốt của Công ty
- Công ty có các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi gặp vấn đề về sức khỏe
- 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động đáp ứng tiêu chuẩn về sử dụng lao động. Ngoài ra, công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLĐ.
- Tuyên truyền, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh: Như phun thuốc khử khuẩn hàng tuần, tổ chức đo thân nhiệt hàng ngày, trang bị các nước khử khuẩn, xà phòng, tổ chức nơi ăn cho người lao động đúng quy định. Kết hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên đánh giá định kỳ chất lượng bếp ăn thông qua phiếu khảo sát mức độ hài lòng để kịp thời điều chỉnh và cải thiện suất ăn phù hợp từng thời điểm.

Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân:

- Công ty triển khai mô hình bảo hiểm sức khỏe theo nhóm cho người lao động và thân nhân để người lao động có được sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tốt hơn với các điều kiện mở rộng hơn.
- Công ty hỗ trợ 60% tiền xe cho công nhân về quê dịp Tết, hỗ trợ đột xuất cho công nhân gặp khó khăn.
- Mừng cưới người lao động, chi ma chay cho thân nhân người lao động, chi nghỉ mát
- Chăm lo cho các cháu thiếu nhi con của người lao động nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu.
- Người lao động được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng trên cơ sở chất lượng công việc. Công ty áp dụng các quy tắc không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật mà còn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của khách hàng.

5.5.3. Công tác đào tạo, phát triển người lao động:

- Đào tạo nội bộ: Các Phòng ban/ Nhà máy đào tạo các quy định, tiêu chuẩn khách hàng, chính sách tiền lương
- Đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho người lao động.

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Ủng hộ cho địa phương Công ty và địa phương các Nhà máy của Công ty trú đóng: Hỗ trợ địa phương chăm lo cho người nghèo bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid -19, với tổng số tiền 767.500.000 đồng. Hỗ trợ nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Bến Tre.

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HÙNG



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com

☎ ☎ ☎



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Năm tài chính 2020

- Căn cứ ~~quyền và~~ nhiệm vụ Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam,

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn tình hình kiểm soát các hoạt động quản trị và điều hành cũng như tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ Tính đến thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phụng	Trưởng ban	7.610 cổ phần	0,025%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	7.611 cổ phần	0,025%
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 cổ phần	0,00%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

2.1 Nội dung tổng quát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:

- Kiểm tra tình hình hoạt động và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và năm của Công ty mẹ và các công ty con; việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông như: tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch, việc tuân thủ điều lệ, quy định hiện hành trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

2.2 Thống kê các buổi họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã có 06 buổi họp để kiểm tra, giám sát các vấn đề liên quan đến việc quản trị và tuân thủ các quy định của quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tổ chức họp Ban Kiểm soát đều tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
1	29/02/2020	Kế hoạch Thăm tra Báo cáo Tài chính năm 2019 và các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	Thông nhất KH thăm tra BCTC. Ngày 15/5/2020, BKS gửi CV số 02/BKS-2020 đến Tổng giám đốc, đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019 và các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019.
2	13/03/2020	Các nội dung của Dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.	Thông nhất với nội dung Bản dự thảo Báo cáo và ngày 11/6/2020, Ban kiểm soát đã ký phát hành bản báo cáo chính thức.
3	26/08/2020	Trao đổi về Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và kết quả kiểm kê 6 tháng đầu năm 2020	Thông nhất làm việc với các Phòng Kế hoạch, Kho vận, Tài chính, đề nghị rà soát số liệu Báo cáo kiểm kê tài sản có đến 30/6/2020 và Công tác quản lý sản phẩm dở dang, quyết toán tiêu hao nguyên phụ liệu.
4	22/09/2020	Các nội dung liên quan đến Bản dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2020 và các vấn đề liên quan đến công tác quản lý kho, sản phẩm dở dang và hoạt động của Kiểm soát nội bộ.	Thông nhất với nội dung Bản dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát. Ngày 26/9/2020, Ban kiểm soát đã ký phát hành bản Báo cáo chính thức số 03/BKS-2020 gửi hội đồng Quản trị, đồng thời gửi văn bản số 04/BKS-2020 gửi Tổng giám đốc nêu ý kiến của Ban Kiểm soát về công tác quản lý hàng tồn kho, sản phẩm dở dang và công tác kiểm soát nội bộ.
5	12/11/2020	Các nội dung liên quan đến công tác quản lý kho, sản phẩm dở dang và kiểm kê cuối năm 2020.	Thông nhất gửi văn bản đến Tổng giám đốc đề nêu ý kiến của Ban kiểm soát về Công tác quản lý kho và đề xuất lập Kế hoạch kiểm kê tài sản của Công ty có đến ngày 31/12/2020. Ngày 25/11/2020, BKS đã phát hành văn bản số 05/BKS-2020, đề nêu các ý kiến và đề xuất, theo kết luận của phiên họp BKS ngày 12/11/2020.
6	08/12/2020	Thảo luận kế hoạch làm việc của Kiểm soát nội bộ trong năm 2021 và các vấn đề liên quan đến việc thành lập Kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 và TT 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020.	Thông nhất gửi văn bản đến Tổng giám đốc đề nêu ý kiến của Ban kiểm soát về kế hoạch làm việc của Kiểm soát nội bộ và đề xuất thành lập Kiểm toán nội bộ theo các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính. Ngày 11/12/2020, BKS đã phát hành văn bản số 06/BKS-2020, đề nêu các ý kiến và đề xuất của Ban kiểm soát.

2.3 Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Kết quả kinh doanh năm 2020

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện so với kế hoạch	Tỷ lệ tăng, giảm TH/KH
1.Doanh thu thuần	1.300.000.000.000	1.474.566.250.584	174.566.250.584	13,4%
2.Lợi nhuận trước thuế	23.000.000.000	64.907.726.494	41.907.726.494	182,2%
3.Cổ tức	5 %	-	-	

Kết thúc năm 2020, báo cáo kết quả kinh doanh cho thấy Công ty đã vượt 13,4% kế hoạch về doanh thu và 182,2 % kế hoạch về lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ thông qua.

2.3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch vay, tài trợ vốn hoạt động

- Tổng hạn mức nợ vay được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là: 1.200 tỷ đồng
- Tổng hạn mức nợ vay của Công ty luân chuyển trong năm là: 846,25 tỷ đồng
- Số dư nợ vay cuối kỳ là: 364,4 tỷ đồng

Vốn vay được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hoạt động như: thanh toán chi phí mua nguyên vật liệu, cước vận chuyển, lương cho CBCNV,...

Tổng hạn mức nợ vay luân chuyển thực tế trong năm 2020 thấp hơn hạn mức kế hoạch và hạn mức của năm 2019, do hoạt động sản xuất tại Công ty Tân Mỹ và Quảng Nam đã chuyển sang may tủ gia công, nhu cầu vay vốn mua nguyên vật liệu và thanh toán lương cho công nhân giảm.

2.3.2. Tình hình thực hiện Ngân sách đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh

- Tổng ngân sách đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là: 300 tỷ đồng
- Tổng ngân sách đầu tư đã thực hiện trong năm là: 32,5 tỷ đồng
- Các khoản đầu tư gồm: mua sắm máy móc thiết bị, phần mềm quản lý phục vụ cho hoạt động sản xuất và phát triển sản phẩm; thi công cải tạo nhà xưởng, văn phòng.

2.3.3. Phân phối lợi nhuận năm 2019 bằng cổ phiếu và việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, chi thưởng cho cán bộ chủ chốt

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% vào tháng 08/2020 và số cổ phiếu này được đưa vào giao dịch bổ sung vào ngày 07/10/2020.

Số vốn điều lệ tăng thêm do Công ty phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là: 32.089.150.000 đồng.

Vốn điều lệ Công ty tính đến 31/12/202 là: 300.052.800.000 đồng.

- Chi trả thù lao HĐQT, BKS và chi thưởng cán bộ chủ chốt

Công ty đã thực hiện chi trả các khoản thù lao HĐQT, BKS và thưởng cán bộ chủ chốt từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính 2019 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Số tiền thù lao HĐQT, BKS và trích thưởng cho HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt được ĐHĐCĐ phê duyệt: 5.059.714.373 đồng.

Số tiền thù lao HĐQT, BKS và thường HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt đã chi trả: 5.050.871.301 đồng.

– **Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020**

Hội đồng Quản trị đã thông qua lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

2.4 Đánh giá của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn trong năm 2020

2.4.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020 so với thực hiện 2019	Tỷ lệ tăng, giảm
1.Doanh thu thuần	1.474.566.250.584	1.747.770.984.983	(273.204.734.399)	(15,6%)
2.Lợi nhuận trước thuế	64.907.726.494	134.865.495.349	(69.957.768.855)	(51,9%)
3.Cổ tức		12 %	-	

Doanh thu năm 2020 của Công ty giảm 15,6%, lợi nhuận trước thuế giảm 51,9% so với thực hiện năm 2019, do ảnh hưởng bởi những nguyên nhân chính như sau:

– Biên lợi nhuận giảm do sức ép cạnh tranh về giá:

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, nên các đơn hàng xuất khẩu của ngành may mặc giảm rất nhiều, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa; nhưng hoạt động của Công ty Garmex vẫn duy trì ổn định, các khách hàng truyền thống vẫn giao đơn hàng cho công ty, tuy nhiên mức giá họ đưa ra hết sức cạnh tranh, đòi hỏi công ty muốn nhận được hàng phải giảm biên lợi nhuận.

– Tỷ lệ giảm Giá vốn hàng bán là 12,6%, nhỏ hơn tỷ lệ giảm của doanh thu vì năng suất lao động giảm, do chuyển một phần năng lực sản xuất sang may gia công.

Vào năm 2020, các đơn hàng nhận được chỉ đảm bảo đủ hàng cho nhà máy An Nhơn, An Phú sản xuất đến hết năm. Theo kế hoạch đơn hàng được xây dựng vào tháng 6/2020, từ tháng 6 trở đi, các dây chuyền tại Công ty TNHH May Tân Mỹ (Công ty Tân Mỹ) và Công ty TNHH Garmex Quảng Nam (Công ty Garmex Quảng Nam) sẽ không có hàng để sản xuất.

Trước tình hình đó, ngày 11/6/2020, Ban điều hành đã có Tờ trình số TTr22.HĐQT/ 2020, đề trình Hội đồng Quản trị phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi hàng may Công nghiệp (tủ vải) tại Công ty Tân Mỹ, Công ty Garmex Quảng Nam. Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT/2020 ngày 11/06/2020 với nội dung phê duyệt kế hoạch chuyển đổi hàng may công nghiệp.

Giai đoạn đầu chuyển đổi mặt hàng, năng suất lao động tại Công ty Tân Mỹ và Công ty Garmex Quảng Nam chưa đạt năng suất mục tiêu, nên chi phí đào tạo (bao gồm khoản tiền bù lương cho Công nhân để đảm bảo thu nhập theo mức qui định), chi phí tuyển dụng lao động tăng. Ngoài ra, các đơn hàng may mặc trước đây do Công ty Tân Mỹ và Garmex Quảng Nam thực hiện, nay chuyển sang cho nhà máy An Nhơn may, cũng làm cho năng suất tại An Nhơn giảm vì công nhân chưa thích ứng kịp với quy trình may các đơn hàng nhỏ, lẻ chuyển từ Quảng Nam.

– Chi phí quản lý Công ty giảm 12.293.628.024 đồng, tỷ lệ giảm là 9,5%, thấp hơn tỷ lệ giảm

doanh thu, do Công ty vẫn phải trích đầy đủ các chi phí khấu hao, lương,... trong điều kiện đơn hàng may mặc giảm.

- Chi phí tài chính tăng 7.255.821.018 đồng, tăng 56,8% so với năm 2019 (bao gồm chi phí chênh lệch tỷ giá, lãi vay ngân hàng), nên hoạt động tài chính năm nay có số lỗ cao hơn năm trước là 2.431.350.577 đồng.

2.4.2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu tại công ty con

- Công ty TNHH May Tân Mỹ

Tại Công ty Tân Mỹ, các đơn hàng may mặc bị thiếu hụt kể từ tháng 6/2020, nên Công ty đã chuyển toàn bộ các chuyển may mặc sang may gia công từ công nghiệp, theo hình thức ký hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (Công ty Mẹ trực tiếp ký hợp đồng gia công với khách hàng, sau đó giao lại cho Công ty Tân Mỹ gia công). Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020 so với thực hiện 2019	Tỷ lệ tăng, giảm
1. Doanh thu thuần	98.939.825.924	93.724.189.685	5.215.636.239	5,56%
2. Lợi nhuận trước thuế	(11.065.513.684)	(15.264.296.181)	4.198.782.497	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Tân Mỹ có số lỗ giảm hơn 2019 với số tiền 4.198.782.497 đồng, là do: Doanh thu tăng 5.215.636.239 đồng (tăng 5,56%), giá vốn tăng 4.966.665.981 đồng (tỷ lệ tăng 5,98%), chi phí quản lý giảm 4.335.013.618 đồng (tỷ lệ giảm 17%).

- Công ty TNHH Garmex Quảng Nam (Garmex Quảng Nam)

Từ tháng 6/2020, do thiếu đơn hàng may mặc, nên Công ty Garmex Quảng Nam đã chuyển toàn bộ các chuyển may mặc sang may gia công sản phẩm từ công nghiệp cho Công ty Garmex (Công ty Mẹ). Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020 so với thực hiện 2019	Tỷ lệ tăng, giảm
1. Doanh thu thuần	102.540.201.922	103.793.226.998	1.253.025.076	-1,21%
2. Lợi nhuận trước thuế	- 1.146.421.307	655.366.815	- 1.801.788.122	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Garmex Quảng Nam năm 2020 lỗ 1.146.421.307 đồng so với năm 2019 lãi: 655.366.815 đồng, là do:

- + Doanh thu giảm 1.253.025.076 đồng, tỷ lệ giảm là 1,21%
- + Giá vốn tăng 9.995.445.423 đồng, tỷ lệ tăng 10,95 % do:

Khi chuyển đổi sang sản xuất Từ công nghiệp, năng suất lao động chưa đạt năng suất mục tiêu. Ngoài ra, Công ty Garmex Quảng Nam phải tuyển thêm công nhân mới, dẫn đến chi phí đào tạo và chi phí bù lương tăng hơn so với kế hoạch.

- + Chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác giảm 9.522.507.675 đồng, tỷ lệ giảm 258,5%.

- Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long

Năm 2019, Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long đã dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh và tập trung thu hồi công nợ. Ngày 20/7/2020, Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT

phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long. Đến nay, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục giải thể.

2.4.3. Tình hình tài chính của Garmex Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2020

Đvt: Đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	CHÊNH LỆCH 2020-2019
I	TÀI SẢN	1.222.790.471.213	1.028.987.846.193	193.802.625.020
1	Tài sản ngắn hạn	1.011.789.564.133	820.453.093.414	191.336.470.719
2	Tài sản dài hạn	211.000.907.080	208.534.752.779	2.466.154.301
II	NGUỒN VỐN	1.222.790.471.213	1.028.987.846.193	193.802.625.020
1	Nợ phải trả	564.362.237.238	545.562.879.290	18.799.357.948
2	Vốn chủ sở hữu	658.428.233.975	483.424.966.903	175.003.267.072
III	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	1,85	1,53	0,31
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,41	0,91	0,50
3	Tỷ suất sinh lợi trên vốn ROE	8,13%	24,18%	-16,05%
4	Tỷ suất sinh lợi trên tài sản ROA	4,12%	10,24%	-6,12%
5	Tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn	0,46	0,53	-0,07
6	Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	0,86	1,13	-0,27

Theo ý kiến của chúng tôi, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là lành mạnh, cơ cấu vốn hợp lý; Ban Điều hành kiểm soát được tình hình tài chính, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty.

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2020.

2.5 Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.5.1 Các giao dịch với người có liên quan, các doanh nghiệp có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành quản lý khác:

STT	Tên doanh nghiệp ký hợp đồng	Tên người có liên quan	Cấp phê duyệt hợp đồng
1	Công ty Cổ Phần Transimex	Ông Bùi Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Garmex Saigon đồng thời là Chủ tịch HĐQT CTCP Transimex Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT Garmex Saigon đồng thời là Thành viên HĐQT Transimex	Hội đồng Quản trị
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Công ty Gilimex)	Ông Lê Hùng – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Garmex Saigon đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Gilimex Ông Nguyễn Việt Cường – Thành viên HĐQT Garmex Saigon đồng thời là Thành viên HĐQT Công ty Gilimex	Hội đồng Quản trị

2.5.2 Về các giao dịch với Công ty Cổ phần Transimex

Đvt: Đồng

STT	Số hợp đồng	Nội dung giao dịch	Giá trị hợp đồng	Giá trị đã thực hiện
	03/19/GMC-TRANSIMEX ký Với Công Ty Cổ Phần Transimex	Hợp đồng nguyên tắc vận chuyển quốc tế và nội địa	Hợp đồng báo giá cước vận chuyển theo từng đơn hàng, không nêu tổng giá trị hợp đồng	2.455.394.453

Ngày 31/1/2019, Ban điều hành đã gửi Hội đồng Quản trị Tờ trình số TTr01.HĐQT/2019 để xin phê duyệt chủ trương thực hiện các Hợp đồng giao dịch vận chuyển quốc tế ký kết với Công ty Cổ phần Transimex. Ngày 19/2/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/2019, đề thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch theo tờ trình TTr01.HĐQT/2019.

Ý kiến Ban kiểm soát:

- + Về thẩm quyền phê duyệt Hợp đồng ký kết giữa Công ty Garmex và Công ty Cổ phần Transimex.
- + Do hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng giá trị tài sản (theo Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020), nên Hội đồng Quản trị phê duyệt việc ký kết hợp đồng là đúng thẩm quyền. Các nội dung hợp đồng được ký kết giữa Công ty Garmex và Công ty Transimex, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.
- + Về hiệu quả của hợp đồng đã thực hiện trong năm 2020:
Hàng hóa vận chuyển nội địa, quốc tế thông qua các hợp đồng giao dịch ký kết với Công ty Transimex, được vận chuyển an toàn, đảm bảo chất lượng hàng hóa và đảm bảo thời gian giao hàng đúng hạn cho khách hàng.

2.5.3 Về các giao dịch với Công ty Gilimex

Đvt: đồng

STT	Số hợp đồng	Nội dung giao dịch	Giá trị hợp đồng	Giá trị đã thực hiện
1	06/HĐKT.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	7.028.095.800	7.028.095.800
2	13/HĐNT-GM/2020 và 6 Phụ Lục	Hợp đồng phát triển mẫu và Gia công tủ vải	138.896.936.200	128.780.878.600
3	76/HĐGC.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	1.602.770.400	502.563.600
4	71/HĐGC.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	29.342.676.000	Đang thực hiện
5	79/HĐGC.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	41.990.256.000	nt
6	59/HĐGC.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	661.980.000	661.980.000
7	82/HĐGC.GIL-GMC/2020	Gia công tủ vải	2.208.175.200	Đang thực hiện

Ngày 11/6/2020, do tình hình thiếu hụt đơn hàng may mặc tại Công ty Tân Mỹ, Công ty Garmex Quảng Nam, nhà máy An Nhơn, nên Ban điều hành đã có Tờ trình số TTr 22.HĐQT/2020 với nội dung trình Hội đồng Quản trị phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi hàng may Công nghiệp (Tủ vải) tại Công ty TNHH May Tân Mỹ, Công ty TNHH Garmex Quảng Nam và Nhà máy An Nhơn.

Theo tờ trình, hiệu quả của phương án chuyển đổi từ hàng may mặc sang sản xuất tủ công nghiệp từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 5 năm 2023 tại 2 công ty con, như sau:

STT	Tên công ty con	NPV	IRR	Thời gian hoàn vốn
1	CÔNG TY MAY TÂN MỸ	5.377 triệu đồng	25,90%	2 năm 8 tháng
2	CÔNG TY GARMEX QUẢNG NAM	17.608 triệu đồng	21,90%	2 năm 7 tháng

Ngày 11/6/2020, Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT/2020, phê duyệt chủ trương Garmex Sài Gòn và các công ty con, giao dịch mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (liên quan đến quy trình sản xuất hàng tủ) với tổ chức có liên quan người nội bộ là Công ty Gilimex và các công ty trong hệ thống Công ty Gilimex. Đồng thời Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Hợp đồng may gia công hàng tủ công nghiệp ký kết với Công ty Gilimex.

Ý kiến Ban kiểm soát:

- + Về thẩm quyền phê duyệt Hợp đồng ký kết giữa Công ty Garmex và Công ty Gilimex:
- + Do hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% Tổng giá trị tài sản (theo Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020), nên Hội đồng Quản trị phê duyệt việc ký kết hợp đồng là đúng thẩm quyền. Các nội dung hợp đồng được ký kết giữa Công ty Garmex và Công ty Gilimex, đảm bảo quyền và lợi ích của cả hai Công ty.
- + Hiệu quả của hợp đồng đã thực hiện trong năm 2020:

Từ tháng 6 năm 2020, Công ty Garmex bắt đầu chuyển qua sản xuất mặt hàng tủ công nghiệp. Sản phẩm này có quy trình sản xuất khác với hàng may mặc, nên khi mới triển khai sản xuất, năng suất lao động chưa đạt năng suất mục tiêu, doanh thu không thể bù đắp hết chi phí sản xuất. Vì thế, ngay trong năm 2020 chưa thể đánh giá được hiệu quả của hợp đồng này. Từ năm 2021 trở đi, khi tay nghề được nâng cao, năng suất lao động đạt năng suất mục tiêu, chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm giảm, lợi nhuận sẽ tốt hơn. Bên cạnh việc duy trì năng lực sản xuất hiện hữu, Ban điều hành đã có kế hoạch mở rộng thêm chuyên, đảm bảo năng lực sản xuất đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và quy mô đơn hàng lớn, nên các đơn hàng may tủ

sẽ có lợi nhuận như phương án đầu tư đã xây dựng.

2.6 Kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của công ty trong năm 2020.

- Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các nội dung và phương án được ĐHĐCĐ thông qua, như: phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, thực hiện phương án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, vay vốn để đầu tư,...
- Hội đồng Quản trị luôn cho ý kiến để giải quyết nhanh các nội dung Ban Điều hành xin ý kiến, đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua hơn 40 nội dung công việc, chủ yếu liên quan đến các quyết định về đầu tư (mua sắm máy móc thiết bị, cải tạo nâng cấp nhà xưởng, văn phòng,...), kế hoạch kinh doanh, quản trị công ty; công tác nhân sự, tài chính.... Trong đó, có hai quyết định quan trọng được HĐQT thông qua là: Đầu tư Trung tâm Phát triển sản phẩm tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP. HCM; và phê duyệt kế hoạch chuyển đổi hàng may Công nghiệp (tủ vải) tại Công ty Tân Mỹ và Quảng Nam, thông qua việc hợp tác với tổ chức có liên quan đến người nội bộ (Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh).
- Trong điều kiện ngành may mặc bị thiếu hụt đơn hàng do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 trên toàn cầu, HĐQT và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực để ổn định tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2020, đảm bảo thu nhập cho người lao động nhằm giữ vững lực lượng lao động nòng cốt, có tay nghề cao, giữ vững lợi thế của công ty, tạo ra sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực nội tại của công ty.
- Ban Điều hành đã có nhiều giải pháp để giảm chi phí, xây dựng các quy trình quản lý chất lượng, máy móc thiết bị, quy trình mua hàng,... để kiểm soát tốt việc chi tiêu, mua sắm. Đồng thời chú trọng đến công tác thi đua, phát huy sáng kiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Ban Điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, khi trình xin ý kiến HĐQT thông qua tất cả các vấn đề quan trọng, đảm bảo được quyền và lợi ích của công ty khi thực hiện các giao dịch đối với người có liên quan.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã có một số ý kiến gửi đến Ban điều hành liên quan đến công tác quản lý kho, quyết toán tiêu hao nguyên vật liệu, hoạt động của Kiểm soát nội bộ, Ban Điều hành đã tiếp thu và đang triển khai rà soát, hoàn chỉnh hệ thống, nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.7 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông trong năm 2020.

- Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty khi có yêu cầu.
- Hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở, đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế Quản trị công ty, nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao.

II. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

1. Nhằm tuân thủ quy định và nâng cao hiệu quả việc nhận diện, phòng ngừa và kiểm soát các rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét ban hành Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Kiểm toán nội bộ theo quy định tại điều 11 Nghị định 05/2019/NĐ-CP và điều 10 Quy chế mẫu được ban hành theo Thông tư 66/2020/TT-BTC.
2. Ban điều hành cần xem xét việc sử dụng các công cụ tài chính (hợp đồng tương lai tiền tệ) để giảm thiểu rủi ro về tỷ giá có thể phát sinh.
3. Hội Đồng Quản trị và Ban điều hành xây dựng định hướng và kế hoạch phát triển Trung tâm Giới thiệu sản phẩm, để đảm bảo khai thác tốt các nguồn lực hiện có, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.
4. Ban Điều hành có các giải pháp để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết, khắc phục tình trạng lỗ tại Công ty con, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.
5. Ban Điều hành có những giải pháp hữu hiệu hơn nhằm quản lý tiêu hao nguyên vật liệu, giúp kiểm soát tốt nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho, và tăng hiệu quả hoạt động cho công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Quý cổ đông và đại biểu sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

PHAN THỊ PHỤNG



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com

☎✉

Số : 01/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua “**Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020 đính kèm**”

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BUI TUẤN NGỌC

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về các phát hiện thực tế	4 - 5
Báo cáo tình hình sử dụng vốn	6
Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn	7

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Chín	Thành viên
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn") từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ ("Nghị định 58") quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58, và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 7 năm 2020



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61192495/21174458/AUP

BÁO CÁO VỀ CÁC PHÁT HIỆN THỰC TẾ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước theo Hợp đồng số 61192495/21174458/AUP ngày 3 tháng 2 năm 2020 và như được trình bày dưới đây về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND để tăng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020 được trình bày từ trang 6 đến trang 7 (sau đây được gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn"). Công việc của chúng tôi được thực hiện phù hợp với Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan số 4400 - Hợp đồng thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước đối với thông tin tài chính. Các thủ tục được thực hiện chỉ nhằm hỗ trợ Công ty trong việc đánh giá tính phù hợp của Báo cáo tình hình sử dụng vốn nêu trên và được tóm tắt như sau:

1. Chúng tôi đã thu thập Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty;
2. Chúng tôi đã đối chiếu mục đích sử dụng vốn như giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty với mục đích sử dụng vốn như được phê duyệt và trình bày trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT.2019 và số 33/NQ-HĐQT.2019 ngày 9 tháng 9 năm 2019 và hồ sơ tăng vốn có liên quan;
3. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra chi tiết các chứng từ thu tiền góp vốn và chi tiền như được liệt kê trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được thu thập ở bước 1, với các chứng từ kế toán có liên quan như bảng lương, hợp đồng mua bán nguyên liệu, hóa đơn thuế giá trị gia tăng, phiếu thu tiền, phiếu chi tiền ...

Chúng tôi báo cáo về các phát hiện thực tế như sau:

1. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty và được trình bày từ trang 6 đến trang 7;
2. Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cho đến ngày 30 tháng 4 năm 2020, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 133.731.555.000 VND được sử dụng cho việc thanh toán lương nhân viên Công ty và mua nguyên phụ liệu, bao bì, thanh toán chi phí gia công, chi phí xuất nhập khẩu và chi phí khác trong hoạt động sản xuất. Mục đích sử dụng vốn này phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT.2019 và số 33/NQ-HĐQT.2019 ngày 9 tháng 9 năm 2019 và hồ sơ tăng vốn có liên quan.
3. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra chi tiết các chứng từ như sau:
 - Khoản tiền thu góp vốn 133.731.555.000 VND: chúng tôi đã kiểm tra và đối chiếu phù hợp với các chứng từ kế toán có liên quan như phiếu thu tiền, giấy báo ngân hàng; và
 - Khoản chi tiền 136.963.849.817 VND cho việc thanh toán lương và mua nguyên phụ liệu, bao bì, chi phí gia công, xuất nhập khẩu và chi phí khác cho sản xuất: chúng tôi đã kiểm tra và đối chiếu phù hợp với các chứng từ kế toán có liên quan như phiếu chi tiền, giấy báo ngân hàng, bảng lương, hợp đồng mua bán nguyên liệu, hóa đơn thuế giá trị gia tăng, ...



Building a better
working world

Do các thủ tục nêu trên không lập thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nên chúng tôi không đưa ra sự đảm bảo về Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Nếu chúng tôi thực hiện các thủ tục bổ sung hoặc thực hiện một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam thì chúng tôi có thể sẽ phát hiện được các vấn đề khác để báo cáo cho Công ty.

Báo cáo của chúng tôi chỉ sử dụng cho mục đích báo cáo cho Quý cổ đông của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Chương II, Điều 8, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và không được sử dụng cho bất cứ mục đích nào khác hoặc không được phát hành cho bất cứ bên nào khác. Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ, và không liên quan tới toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 7 năm 2020

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỔ PHẦN THU ĐƯỢC
TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
2	Mã cổ phiếu	GMC
3	Loại hình cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	8.916.157
6	Số lượng cổ phiếu phát hành	8.915.437
7	Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu	133.731.555.000 VND
8	Ngày bắt đầu chào bán	Ngày 10 tháng 12 năm 2019
9	Ngày hoàn thành đợt chào bán	Ngày 14 tháng 1 năm 2020

2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

2.1 Kế hoạch sử dụng vốn theo phương án phát hành

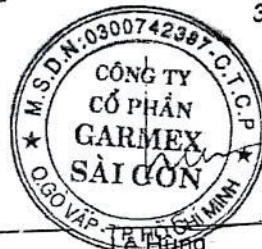
Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT.2019 và số 33/NQ-HĐQT.2019 ngày 9 tháng 9 năm 2019, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND được sử dụng cho việc thanh toán lương và mua nguyên phụ liệu, bao bì, chi phí gia công, xuất nhập khẩu và chi phí khác trong hoạt động sản xuất.

2.2 Tình hình sử dụng vốn

	VND
	Tổng cộng
Vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu	133.731.555.000
Tiền thực chi cho sản xuất kinh doanh cho kỳ từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020	136.963.849.817
Trong đó:	
Thanh toán mua nguyên phụ liệu, bao bì, chi phí gia công, xuất nhập khẩu và chi phí khác cho sản xuất	73.808.421.950
Thanh toán tiền lương	63.155.427.867
Trong đó:	
Chi từ nguồn vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu	133.731.555.000
Chi từ vốn lưu động	3.232.294.817

Nguyễn Thị Diễm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 7 năm 2020

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỔ PHẦN THU ĐƯỢC
TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020

1. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỔ PHẦN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn")

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 58 ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ ("Nghị định 58") quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu – thực chi và là một bộ phận trong tổng dòng tiền thu, chi của Công ty.

1.2 Kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho việc sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND để tăng vốn từ ngày 10 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 1 năm 2020, và việc sử dụng vốn từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020.

1.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn chỉ được sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT.2019 và số 33/NQ-HĐQT.2019 ngày 9 tháng 9 năm 2019.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Nguyễn Thị Diễm
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng



Ngày 9 tháng 7 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
☎✉

Số : 02/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) tính đến 31/12/2019	VNĐ	210.171.523.089
2	Thanh toán các khoản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	VNĐ	37.037.759.831
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi thanh toán các khoản theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2020 (1-2)	VNĐ	173.133.763.258
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020	VNĐ	64.907.726.494
5	Thuế TNDN	VNĐ	18.493.609.687
6	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 (4-5)	VNĐ	46.414.116.807
7	Cổ tức năm 2020 : Tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu (số cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020)	VNĐ	29.956.020.000
8	Thù lao HĐQT và BKS năm 2020 (2%/LNST)	VNĐ	928.282.336
9	Trích thưởng HĐQT, BKS năm 2020 <i>Trong đó :</i> - Thưởng hoàn thành kế hoạch : Thưởng 2%/LNST theo kế hoạch - Thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch : 4% phần vượt LNST	VNĐ VNĐ VNĐ	1.527.628.583 328.936.090 1.198.692.493
	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất theo kế hoạch	VNĐ	23.000.000.000
	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo kế hoạch	VNĐ	16.446.804.475
10	Tổng lợi nhuận phân phối : 7+8+9	VNĐ	32.411.930.919
11	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại từ LNST năm 2020 : 6-10	VNĐ	14.002.185.888
12	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại : 1-2+11	VNĐ	187.135.949.146



Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định thời gian và thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo đúng quy định.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phân bổ số tiền trích thưởng HĐQT, BKS theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như trên

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua phương án trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VPHĐQT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÙI TUẤN NGỌC





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎✽☎

Số : 03/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- | | | |
|---------------------------------|---|------------------------|
| - Doanh thu | : | 1.240.000.000.000 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | : | 23.000.000.000 đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 | : | 10% - 20% |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu trên, tùy theo kết quả để quyết định mức tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết phê duyệt để làm cơ sở thực hiện trong năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VPHĐQT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BUI TUẤN NGỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
☎✽☎

Số : 04/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Ngân sách đầu tư năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt Ngân sách đầu tư cho năm 2021 như sau:

STT	Khoản mục	ĐVT	Số tiền
01	Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Bao gồm : Đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, đầu tư tăng năng lực sản xuất	Đồng	295.000.000.000
02	Vay ngân hàng để tài trợ vốn hoạt động	Đồng	960.000.000.000

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua để làm cơ sở thực hiện trong năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VPHĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BUI TUẤN NGỌC



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
☎✴☎

Số : 05/TTr – ĐHCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Căn cứ pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020 như sau:

I. Phương án phát hành:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
2. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu
4. Vốn điều lệ hiện tại : 300.052.800.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ không trăm năm mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng)
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 30.005.280 cổ phiếu (Bằng chữ : Ba mươi triệu không trăm lẻ năm ngàn hai trăm tám mươi cổ phiếu)
6. Số lượng cổ phiếu quỹ : 49.260 cổ phiếu (Bằng chữ : Bốn mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi cổ phiếu)
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020 cổ phiếu (Bằng chữ : Hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn không trăm hai mươi cổ phiếu)
8. Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 10% (Mười phần trăm) theo mệnh giá.
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức : 2.995.602 cổ phiếu (Bằng chữ : Hai triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ hai cổ phiếu)



10. Giá trị phát hành tính theo mệnh giá : 29.956.020.000 đồng (Bằng chữ : Hai mươi chín tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng)
11. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức. Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
12. Tỷ lệ thực quyền (Tỷ lệ phát hành): 10 : 1 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10% theo mệnh giá, tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ có 1 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cứ 10 quyền sẽ nhận được thêm 1 cổ phiếu mới phát hành thêm.
13. Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Giá trị lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
14. Thời gian thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, dự kiến năm 2021.
15. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu mới phát hành để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mà mỗi cổ đông được nhận sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) bị hủy bỏ.
- Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1, cổ đông A sẽ nhận được $105 \times 1/10 = 10,5$ cổ phiếu mới. Như vậy theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ đông A nhận được 10 cổ phiếu, phần lẻ thập phân 0,5 cổ phiếu bị hủy bỏ.
16. Thông qua việc đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung với số cổ phiếu phát hành thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
17. Thông qua việc thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh sau khi có công văn UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành.

II. Thông qua việc ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên.
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có Công văn phản hồi về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành từ UBCKNN.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức được thành công.

Trên đây là Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT.



BÙI TUẤN NGỌC





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com

☎

Số : 06 /TTr – ĐHCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Công ty cần cập nhật ngành nghề kinh doanh đúng theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Bỏ ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam**

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh xóa	Mã ngành	Lý do bỏ ngành kinh doanh
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Công nghiệp dệt len các loại	1321	Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, không còn mã ngành 1321

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:**

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Lý do bổ sung ngành Kinh doanh
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391	Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg thì bổ sung mã ngành 1391 thay cho việc bỏ mã ngành 1321 như mục 1
2	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết : Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng vật liệu khác.	3100	Do Công ty sản xuất hàng tủ vải công nghiệp



3. Cập nhật ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

3.1. Ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Môi giới thương mại	4610	
2	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.	4719	

3.2. Ngành, nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh được cập nhật	Mã ngành	Lý do cập nhật ngành nghề kinh doanh
1	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa, đấu giá hàng hóa	4610	Cập nhật chi tiết theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg
2	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket), bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719	Cập nhật chi tiết theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg

Đồng thời, trình Đại hội đồng cổ đông:

- Ủy quyền cho Người Đại diện theo pháp luật, sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Điều lệ Công ty về ngành nghề kinh doanh của Công ty theo nội dung trên.
- Ủy quyền cho Người Đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục cho việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CỘNG TY
CỔ PHẦN
GARMEX
SÀI GÒN

BUI TUẤN NGỌC



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
☎✉

Số : 07 /TTr – ĐHCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Điều lệ mới của Công ty thay thế Điều lệ hiện hành

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán (dưới đây viết tắt là “NĐ 155”)
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

1. Phê duyệt Điều lệ Công ty đã được dự thảo mới dựa trên các quy định của luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản liên quan và theo Điều lệ mẫu ban hành tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, (Bản Dự thảo Điều lệ mới đính kèm Tờ trình).
2. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và thay thế Điều lệ hiện hành

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BUI TUẤN NGỌC



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2021

MỤC LỤC

I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	5
II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4: Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	6
Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.....	7
IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	7
Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10: Thu hồi cổ phần (Đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)....	9
V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12: Quyền của cổ đông	9
Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14: Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17: Thay đổi các quyền	14
Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21

Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 28: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30: Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	25
Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty.....	26
VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 34: Người điều hành Công ty.....	26
Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	27
IX: BAN KIỂM SOÁT.....	27
Điều 36: Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	27
Điều 37: Thành phần Ban Kiểm soát	28
Điều 38: Trưởng Ban Kiểm soát.....	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	29
X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ , THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	29
Điều 42: Trách nhiệm cẩn trọng.....	29
Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 44: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	31
Điều 45: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	31
XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 46: Công nhân viên và Công đoàn.....	31
XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 47: Phân phối lợi nhuận.....	32
XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN..	32
Điều 48: Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 49: Năm tài chính.....	32
Điều 50: Chế độ kế toán.....	32
XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	33
Điều 51: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	33
Điều 52: Báo cáo thường niên.....	33
XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	33
Điều 53: Kiểm toán.....	33

XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	33
Điều 54: Dấu của doanh nghiệp.....	33
XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY.....	34
Điều 55: Giải thể Công ty.....	34
Điều 56: Gia hạn hoạt động.....	34
Điều 57: Thanh lý.....	34
XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 58: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
Điều 59: Điều lệ công ty.....	35
XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	35
Điều 60: Ngày hiệu lực.....	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
 - Tên tiếng Anh : GARMEX SAIGON CORPORATION
 - Tên giao dịch : GARMEX SAIGON CORPORATION
 - Viết tắt là : GARMEX SAIGON
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.
 - Điện thoại : (028) 39 844 822
 - Fax : (028) 39 844 746
 - Website : garmex.vn
4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con, Nhà máy, Trung tâm, Cửa hàng tại địa bàn Kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép
 - a) Công ty có các chi nhánh:
 - Nhà máy May An Nhơn: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM;
 - Nhà máy May Bình Tiên: 55 E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Tp.HCM;
 - Nhà máy May An Phú: 14/5 Ấp Chánh 2, Quốc lộ 22, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM;
 - **Trung Tâm Phát Triển Sản Phẩm: 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Tp. HCM**
 - b) Công ty con:
 - Công ty TNHH May Tân Mỹ tại Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch 1
Địa chỉ : Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
 - Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh (Bao gồm Chi nhánh Công ty TNHH Garmex Quảng Nam tại Tỉnh Quảng Nam – Nhà máy May Garmex Quảng Nam và Chi nhánh BLUE SAIGON L.L.C tại Hoa kỳ).
 - c) Công ty thành viên:
Công ty Cổ Phần Phú Mỹ
Địa chỉ : Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại **Điều 12 và Điều 13** Luật doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu của Công ty là phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, đạt lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- a) May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Công nghiệp may, sản phẩm chính : quần áo may sẵn các loại. Mã ngành cấp 4: 1410.
- b) Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: Công nghiệp dệt vải các loại. Mã ngành cấp 4: 1312.
- c) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết : Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may. Mã ngành cấp 4 : 4659
- d) Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Mã ngành cấp 4 : 4641.
- e) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết : Kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may. Mã ngành cấp 4 : 4669.
- f) Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Mã ngành cấp 4: 1391
- g) Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết : Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, kim loại hoặc bằng vật liệu khác. Mã ngành cấp 4: 3100
- h) Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết : Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa, đấu giá hàng hóa. Mã ngành cấp 4 : 4610.
- i) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng. Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà xưởng. Mã ngành cấp 4 : 6810.
- j) Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết : Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở). Mã ngành cấp 4 : 1313.
- k) Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Mã ngành cấp 4: 7020.
- l) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải. Mã ngành cấp 4: 4933.
- m) Vận tải hành khách đường bộ khác. Mã ngành cấp 4: 4932.
- n) Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket), bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác. Mã ngành cấp 4: 4719.
- o) Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành cấp 4: 4771.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

- 1. Vốn điều lệ của Công ty là 300.052.800.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.005.280 cổ phần (Ba mươi triệu không trăm lẻ năm ngàn hai trăm tám mươi cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần
- 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phần ngân quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp
3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu..
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại **khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp**. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc
3. Công ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là

đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, nếu đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết Thẻ biểu quyết, trên đó ghi họ tên, mã số của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và

biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập và phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty .

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán Trưởng, Phụ trách quản trị Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những chức danh đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội

đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác (nếu có)

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng

quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác (Nếu xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ quyết định bổ sung chức danh của người điều hành khác vào cơ cấu tổ chức Công ty)
2. Tổng Giám đốc Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên trước đó
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42 : Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại

diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46: Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách

quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản

Điều 49: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2004

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;
- Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án kinh tế.
 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 24 tháng 05 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

LÊ HÙNG

T.C.P. H.



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email :
headoffice@garmexjs.com
☎

Số : 08 /TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

*V/v. Thông qua Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty
thay thế quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán (dưới đây viết tắt là “NĐ 155”)
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty được dự thảo mới dựa trên các quy định của luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản liên quan và theo Quy chế mẫu ban hành tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Bản Dự thảo Quy chế nội bộ mới đính kèm Tờ trình).
2. Quy chế nội bộ mới có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và thay thế Quy chế nội bộ hiện hành về quản trị công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT



DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 24 Tháng 05 Năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 /NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **“Quản trị Công ty”** là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - a) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - b) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - c) Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - d) Minh bạch trong hoạt động của Công ty
 - e) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hoạt động có hiệu quả
2. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (Garmex SaiGon) có trụ sở chính đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp cho Công ty mã số doanh nghiệp: 0300742387, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 18 ngày 22 tháng 09 năm 2020

3. **“ĐHĐCĐ”**: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty có các quyền và trách nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. **“HĐQT”**: Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan quản lý Công ty được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các cổ đông; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
5. **“BKS”** : Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thay mặt cổ đông chịu trách nhiệm giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty
6. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp
7. **“Ban TGD”** : Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là cơ quan do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.
8. **“Người có liên quan”**: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán gồm:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - e) đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp
9. **“Cổ Đông lớn”**, theo Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán, là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
10. Trong quy chế này, tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế cho các văn bản đó.

II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3 : Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò : Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 4: Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường:

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty
 - b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp
 - d) Đăng chương trình họp và các tài liệu họp; Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, nếu đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp lên trang thông tin điện tử của Công ty
 - e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Điều kiện tiến hành;
 - h) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Cách thức bỏ phiếu;
 - j) Cách thức kiểm phiếu;
 - k) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
 - l) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- m) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
- n) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- o) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm Quy chế này
4. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế này. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo quy chế này.
5. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi điều kiện kỹ thuật cho phép và được pháp luật công nhận.
7. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
8. Các quy định về nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty và Phụ lục I của Quy chế này. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định Điều lệ Công ty.
9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được quy định tại **Phụ lục I** đính kèm Quy chế này

Điều 5: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền

kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị
5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc .
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 6: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7 : Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định này.
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định này.

Điều 9: . Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Trình tự, thủ tục, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại **Phụ lục II** đính kèm Quy chế này. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Công ty.
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị .
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.
 5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

Điều 11 : Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

Điều 12: Cơ cấu tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập và phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 3. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty

Điều 13: Cuộc họp Hội đồng quản trị

Hợp Hội đồng quản trị theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại **Phụ lục III** đính kèm Quy chế này.

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty
3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Biên bản họp phải được lập chi tiết, rõ ràng Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, căn cứ vào Biên bản cuộc họp về các vấn đề được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ban hành Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan thực hiện.

Điều 14: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm:
 - a) **Tiểu ban Chiến lược - Phát triển:** Đề xuất mục tiêu, chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn cùng các giải pháp thích hợp với môi trường kinh doanh, nguồn lực của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo lập tầm nhìn trong đội ngũ cán bộ chủ chốt Công ty nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chiến lược.
 - b) **Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:** Xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ, lập Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm để kiểm tra, đánh giá và tư vấn đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:
 - Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của đơn vị.
 - Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
 - Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà đơn vị đạt được
 - c) **Tiểu ban Đầu tư - Tài chính:** Xây dựng chiến lược tài chính phù hợp với chính sách từng thời kỳ của nhà nước; Theo dõi, cập nhật và phân tích thông tin nhằm dự báo cơ hội và rủi ro trong lĩnh vực đầu tư tài chính; giám sát và tham vấn việc sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất; xây dựng và đề xuất các phương án khai thác nguồn lực của Công ty. Thẩm định các dự án đầu tư hoặc phương án huy động vốn trình Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d) **Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng:** hoạch định nguồn nhân lực phục vụ chiến lược phát triển của Công ty trong từng giai đoạn và đề xuất chính sách lương, thưởng cho cán bộ chủ chốt nhằm phát huy tốt nhất tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc và hiệu quả công việc của đội ngũ này (quy định tại **Phụ lục VI** đính kèm Quy chế này).
2. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban trong từng thời kỳ. Trưởng tiểu ban có trách nhiệm thẩm định các nội dung có liên quan để trình Hội đồng quản trị trong các kỳ họp.

Điều 15: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 16: Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đều phải tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận, kinh phí do Công ty chi trả.

Điều 17: Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại **Phụ lục VII** đính kèm quy chế này.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 18: Vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực

trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 20: Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 21. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 23: Đề cử Ứng cử, Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trình tự, thủ tục, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên được quy định chi tiết tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo quy chế này
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 24: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Vai trò, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị quyết định ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
4. Hội đồng Quản trị thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật và đăng tải Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi Hội đồng Quản trị thông qua quyết định
5. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
6. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Được quy định tại **Phụ lục V** đính kèm Quy chế này

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
 - a) Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có sự tham dự của Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành họp, cách thức tiến hành họp, thông qua quyết định và ghi biên bản họp như cuộc họp Hội đồng quản trị
 - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Sau khi kết thúc cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và công bố thông tin theo quy định của pháp luật
 - c) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 157 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Tổng Giám đốc gửi Báo cáo tài chính hàng quý đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty
3. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp thông tin công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Yêu cầu phải nêu rõ nội dung cần báo cáo, giải trình, thời gian thực hiện báo cáo, giải trình.

Điều 30. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Được quy định tại **phụ lục VI** của quy chế này

VII. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 31: Sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị Công ty

Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty, chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định đó được đương nhiên áp dụng và Hội đồng quản trị phải điều chỉnh, bổ sung lại quy chế nội bộ của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 32: Ngày hiệu lực

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn gồm **07 mục , 32 điều** được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 24 tháng 05 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị thực thi.

PHỤ LỤC I

QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

II. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Tên, **địa chỉ liên lạc** của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
4. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc /và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - b) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - c) Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, nếu đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Phiếu biểu quyết;
 - e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu

III. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông của Công ty mang theo Thư mời họp và chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu để đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội đồng cổ đông thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản, văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu để đối chiếu và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết Thẻ biểu quyết, trong đó ghi họ tên, mã số của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

IV. Cách thức bỏ phiếu

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Thẻ biểu quyết để biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. .

V. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
2. Sau khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

VI. Thông qua kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

VII. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được

gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định nêu trên

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

VIII. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào biên bản Đại hội đồng cổ đông, biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản
4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười năm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
6. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

IX. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết.

2. Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm nghị quyết được thông qua.

X. Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

1. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ. Các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a) Chuẩn bị Tài liệu:

HDQT phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo, quyết định.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

c) Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

e) Việc lập danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tương tự như việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

f) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

g) Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

h) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây không được thông qua với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Công ty;
- g) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

XI. Thông báo Quyết định và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) ra công chúng

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể **thay thế** bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm quyết định được thông qua.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản họp hay Biên bản kiểm phiếu có thể **thay thế** bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc họp hoặc kết thúc kiểm phiếu.

XII. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Theo quy định như thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông đăng nhập vào hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến mà Công ty cung cấp trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và đăng ký tham dự trực tuyến theo hướng dẫn trong thông báo họp.
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Theo hướng dẫn của Công ty tại thời điểm thông báo cho Cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- d) Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số quyền biểu quyết.
- e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến
 - Cổ đông đã thực hiện đăng nhập để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thì bỏ phiếu trực tuyến để thực hiện biểu quyết.
 - Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào một (1) trong ba (3) ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung ý kiến của Cổ đông trên hệ thống.
 - Trường hợp Cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là Cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”.
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Ban kiểm phiếu căn cứ vào thông tin đăng nhập và thông tin biểu quyết của Cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng Cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trên hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông.

- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
- j) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
Công ty gửi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm quyết định được thông qua.

PHỤ LỤC II
QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - KIỂM SOÁT VIÊN
PHẦN I
QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác

II. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị .
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

III. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần và mã số của cổ đông, có đóng dấu Công ty.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a) Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
 - b) Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d) Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e) Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó đại diện
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả bầu cử

IV. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 như trên.

V. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị khi thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và quyết định thông qua nội dung các tài liệu Đại hội đồng cổ đông, thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị là một mục trong nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông.

VI. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

PHẦN II

QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

I. Tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Các kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

II. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên của cổ đông, nhóm cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

III. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần và mã số của cổ đông, có đóng dấu Công ty.
3. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
4. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a) Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
 - b) Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d) Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e) Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó đại diện
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số kiểm soát viên được bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho kiểm soát viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
6. Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả bầu cử

IV. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

V. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Hội đồng quản trị khi thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và quyết định thông qua nội dung các tài liệu Đại hội đồng cổ đông, thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên là một mục trong nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông.

PHỤ LỤC III

QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thông báo và chuẩn bị nội dung cuộc họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập có thể mời Tổng Giám đốc và người điều hành khác cùng tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Tổng Giám đốc và người điều hành khác như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
5. HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc bất thường, cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền triệu tập tại một thời điểm và một địa điểm được báo trước
6. Các hình thức họp khác:
 - a) Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - b) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện kết nối thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua quy chế quản trị Công ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.
 - c) Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
 - d) Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc phương tiện kết nối thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức thì có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được xác nhận bằng chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.
 - e) Địa điểm họp: Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp

II. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền)

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền)
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

III. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại khoản 2 mục III này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

IV. Cách thức thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
3. Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức họp hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc phương tiện kết nối thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được xác định bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

V. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản cuộc họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Họ, tên chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp.
 - j) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Hội đồng

quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp.

VI. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết HĐQT được thông báo cho tất cả thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

PHỤ LỤC IV
QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

I. Bổ nhiệm và nhiệm kỳ Người điều hành Công ty

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là **05 (năm)** năm theo Điều lệ Công ty và có thể tái bổ nhiệm.
2. HĐQT bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng.
3. Tổng Giám đốc bổ nhiệm cán bộ quản lý và Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

II. Tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn tuyển chọn Tổng Giám đốc

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiêu chuẩn tuyển dụng Kế toán trưởng : Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

- Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán phù hợp với vị trí Kế toán trưởng.

3. Tiêu chuẩn tuyển dụng các Người điều hành khác

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực phụ trách;
- Các tiêu chuẩn riêng cụ thể từng vị trí được quy định trong bản trách nhiệm quyền hạn.

III. Hợp đồng lao động đối với Người điều hành Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương, lợi ích khác và các quy định khác theo pháp luật lao động.

IV. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty

- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng là do Hội đồng quản trị quyết định và Nghị quyết/Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành.
- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và Người điều hành khác là do Tổng Giám đốc quyết định

V. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty, cho các cơ quan có liên quan và công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

PHỤ LỤC V
QUY ĐỊNH QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG
GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Nguyên tắc làm việc

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

II. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát

1. Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty: Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị
- Biên bản, Nghị Quyết của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc
- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

2. Đối với Ban điều hành Công ty:

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát, cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người điều hành khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

- Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Tổng Giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện quyết định của Tổng Giám đốc.
- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ.
- Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

3. Đối với Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động (không dài hơn 1 quý), tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thành viên Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trường Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trường Ban kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày;
- Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà Hội đồng quản trị gửi đến Ban kiểm soát để có ý kiến thì Ban kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng 15 ngày làm việc;

III. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Đối với Ban kiểm soát

- Chương trình, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị;
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát, đồng thời với thời điểm gửi tới Hội đồng Quản trị .
- Đối với đề xuất của Ban kiểm soát về số lượng thành viên BKS, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày;
- Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày.

2. Đối với Người điều hành Công ty

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày;
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc, HĐQT phải phản hồi trong vòng 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận;
- Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT phải lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc trao tay có sự chứng kiến của Phụ trách quản trị Công ty
- HĐQT không được thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ công việc của HĐQT, sau khi thông báo cho Tổng Giám đốc Công ty. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 giờ;
- Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp

các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ;

- HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung, kiến nghị về Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cơ cấu tổ chức và số lượng người quản lý trong thời hạn 15 ngày;
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày;
- Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy điều hành, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý;
- Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời thành viên Bộ máy điều hành hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 03 ngày
- Đối với các chỉ tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Công ty.

IV. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban điều hành

1. **Đối với Hội đồng quản trị:** Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả .
 - Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều hành của Chính sách quản lý khủng hoảng... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ gần nhất về các quyết định đó;
 - Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản;
 - Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT theo quy định của Điều lệ, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước 07 ngày (khuyến khích việc đồng gửi cho BKS);
 - Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của người quản lý, Tổng Giám đốc sẽ gửi trước ít nhất là trong vòng 07 ngày.
2. **Đối với Ban kiểm soát:** Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

PHỤ LỤC VI

QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

I. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của cán bộ quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v...
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc đánh giá hoạt động của kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
5. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

II. Khen thưởng

Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) phụ trách vấn đề lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Mục 1 của Phụ lục này.

- Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban;
- Đối với cán bộ quản lý: Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và theo đề xuất của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ quyết định khen thưởng cho cán bộ quản lý

III. Kỷ luật

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do chính mình gây ra;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC VII

QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

II. Tiêu chuẩn tuyển chọn Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

III. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành.

IV. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BÙI TUẤN NGỌC





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
☎

Số : 09/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được dự thảo dựa trên các quy định của pháp luật và theo Quy chế mẫu ban hành tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (*Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình*)

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BÙI TUẤN NGỌC

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 24 Tháng 05 Năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
 - Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
 - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 /NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn .
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn bao gồm các nội dung sau :

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **05** thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có Quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
3. r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông

báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do

Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi Quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp dưới hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định.
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Mỗi khi có cuộc họp Hội đồng quản trị mang tính chất quan trọng, Hội đồng quản trị sẽ mời cổ đông lớn sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự, nhưng không có quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, để nắm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 6. Trong trường hợp lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản, Phiếu tổng hợp lấy ý kiến Hội đồng Quản trị phải có những nội dung sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp
 - b) Thời gian lấy ý kiến
 - c) Mục đích lấy ý kiến
 - d) Nội dung vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - f) Họ, tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết
 - g) Tỷ lệ biểu quyết thông qua vấn đề

Phiếu tổng hợp lấy ý kiến Hội đồng Quản trị có hiệu lực như Biên bản họp và được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn bao gồm **VII chương, 23 Điều** được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BÙI TUẤN NGỌC





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com



Số : 10/TT-ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021



TỜ TRÌNH

Kv. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn, dưới đây viết tắt là “Điều lệ Công ty”
- Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty ***như bản dự thảo đính kèm***

Đồng thời, trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban Kiểm soát hoàn chỉnh Quy chế và ban hành theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

PHAN THỊ PHƯƠNG

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 24 Tháng 05 Năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 /NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021, Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có **03** thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu

biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban

kiểm soát (nếu có).

- Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

PHAN THỊ PHUƠNG





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎ ✉ ✉

Số : 11/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

***Thông qua thù lao của Hội đồng Quản trị
và thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát năm 2021***

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt mức thù lao của Hội đồng Quản trị và thù lao, lương của Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị

Tổng mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị : 576.000.000 đồng.

2. Tổng mức thù lao, tiền lương Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát (bao gồm tiền lương của thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách) không vượt quá 458.000.000 đồng.

3. Ủy quyền HĐQT:

Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định phân bổ mức thù lao của Hội đồng Quản trị và thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát năm 2021 cho từng thành viên.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết phê duyệt để làm cơ sở thực hiện trong năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VPHĐQT.





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>
 Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com
 ☎ ☎ ☎

Số : 12/TTr-DHĐCDTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ tài chính công bố và UBCKNN chấp thuận cho kiểm toán Báo cáo tài chính các Công ty niêm yết

Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam (E&Y)
2. Công ty TNHH PRICEWATERHOUSE COOPERS Việt Nam (PWC)
3. Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam (DELOITTE)
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán (do mỗi Công ty kiểm toán đưa ra) tiến hành lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán nêu trên, để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán như trên.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỜNG BAN**

PHAN THỊ PHƯƠNG



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : headoffice@garmexjs.com



Số : 13/TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Công văn số 01/THC-GMC/2021 ngày 13/04/2021 của Nhóm cổ đông với Đại diện là Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải về việc kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là “Thư Đề Nghị”).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt kiến nghị của nhóm cổ đông sau:

STT	Cổ đông là tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (Danh sách chốt ngày 22/04/2021)	Tỷ lệ sở hữu/ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
1	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4.749.732	15,86%
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	1.404.698	4,69%
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Việt	718.210	2,40%
4	Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	4.551.170	15,19%
	Tổng cộng	11.423.810	38,14%

Ngày 13/04/2021, Công ty đã nhận được Thư Đề Nghị bằng văn bản ngày 13/04/2021 của Đại diện nhóm cổ đông trên là Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Thiên Hải . Theo đó, Đại diện nhóm cổ đông đề nghị đưa vào chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức vào ngày 24/05/2021 nội dung : Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty



cổ phần Garmex Sài Gòn xem xét và thông qua việc cho phép nhóm cổ đông bao gồm : cổ đông là tổ chức Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Thiên Hải, Công ty cổ phần Đầu Tư Toàn Việt, Công ty cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Việt, Công ty cổ phần Đầu Tư T.T.A sau đây gọi tắt là “ nhóm cổ đông”) nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn (Mã chứng khoán : GMC) dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai.

Sau khi nhận được Thư Đề Nghị, Hội đồng quản trị Công ty thấy rằng : (i) Nhóm cổ đông đã đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty về tỷ lệ sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty để kiến nghị đưa nội dung vào chương trình họp ; và (ii) đề nghị của nhóm cổ đông muốn nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đạt mức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Luật chứng khoán và nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì không phải chào mua công khai theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 35 của Luật chứng khoán .

Do đó, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty xem xét, thông qua nội dung sau:

1. Cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật hiện hành

Nhóm cổ đông gồm:

- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
 - Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
 - Công ty cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Việt
 - Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A
2. Đối tượng chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai : Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
 3. Phương thức giao dịch : Nhận chuyển nhượng thông qua hình thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận trên sàn HSX theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
 4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận chuyển nhượng nêu trên để đảm bảo thực hiện các nội dung trong Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BUI TUẤN NGỌC





GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com



Số : 14 /TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn luôn xác định ngành hàng thời trang là ngành hàng cốt lõi và chiến lược của Công ty. Tuy nhiên, giá chào hàng may mặc của Công ty trong những năm qua chưa đúng với giá thị trường. Công ty đã, đang rà soát và đàm phán lại giá chào với các khách hàng. Tuy nhiên để khách hàng chấp nhận giá và có đơn hàng cũng cần có thời gian. Trong thời gian chờ phản hồi từ khách hàng, Công ty tiếp tục xúc tiến tìm nhà máy mới tại vùng 3 và vùng 4 phục vụ chiến lược phát triển hàng may mặc của Công ty, mặt khác để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, giữ ổn định lao động, Công ty sẽ ký hợp đồng gia công tu vải công nghiệp với Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (là tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty) với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất .

Căn cứ vào khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp đồng giao dịch với Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh đính kèm Tờ trình.

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để Công ty làm cơ sở thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÙI TUẤN NGỌC

Số: HDGC.GIL – GMC/202..

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng..... năm 202.... tại Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (“Gilimex”), chúng tôi gồm có:

BÊN ĐẶT GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN SXXD XNK BÌNH THẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302181666 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21/10/2020.

Địa chỉ : Số 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh. TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (+84.28) 7100 8888

Fax: (+84.28) 3516 0118

Mã số thuế : 0302181666

Tài khoản số : 20.111.0091.2006 (VNĐ) – Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Đại diện bởi :

Chức vụ: Giám đốc Công ty làm đại diện.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

BÊN NHẬN GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300742387 do do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 22/09/2020.

Địa chỉ : Số 252 Nguyễn Văn Lượng - Phường 17- Quận Gò Vấp- TP. HCM

Điện thoại ☎ : 028 39844822 Fax : 028 39844746

MST : 0300742387

Tài khoản số : 007 137 135 2903 (VNĐ)

Tại : Ngân Hàng Ngoại Thương TP.HCM.

Đại diện bởi: Bà

- Chức vụ : - làm đại diện

(Theo giấy ủy quyền số [...] ngày [...] tháng [...] năm [...])

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng gia công may hàng hóa (sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) với những điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý đặt Bên B gia công và Bên B đồng ý nhận gia công may mã hàng (sau đây

gọi tắt là “hàng hóa”) được quy định tại Điều 1.2 theo mẫu thiết kế của Bên A.

1.2. Mã hàng, số lượng, đơn giá hàng hóa Bên B nhận gia công như sau:

STT	TÊN MÃ HÀNG	MÀU	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
TỔNG CÔNG:							

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

(Đơn giá trên đã bao gồm công kiểm, cắt, may và gấp xếp hàng thành phẩm)

1.3. Tổng giá trị hợp đồng :

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 2.2.1. Bên B có trách nhiệm xuất trình và cung cấp các chứng từ thanh toán hợp pháp với quy định hiện hành.
- 2.2.2. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng của Bên B được xác định tại phần đầu của Hợp đồng này (hoặc tài khoản khác của Bên B do Bên B thông báo trước cho Bên A).
- 2.2.3. Vào ngày cuối cùng mỗi tháng, Bên B lập và gửi bảng đối chiếu công nợ phát sinh trong tháng cho Bên A để kiểm tra. Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận bảng đối chiếu công nợ do Bên B gửi, nếu Bên A chấp nhận số liệu trong bảng đối chiếu công nợ do Bên B lập thì Bên A ký xác nhận và gửi lại cho Bên B. Nếu Bên A không chấp nhận số liệu trong bảng đối chiếu công nợ do Bên B lập thì Bên A thông báo cho Bên B để điều chỉnh số liệu cho phù hợp.
- 2.2.4. Bên A thanh toán cho Bên B trong thời gian 15 ngày tính từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, hồ sơ thanh toán gồm:
- Phiếu Xuất kho do bên B cung cấp
 - Bảng đối chiếu công nợ phát sinh trong tháng có xác nhận của hai bên;
 - Hóa đơn tài chính hợp pháp cho toàn bộ giá trị thanh toán phát sinh trong tháng.
- 2.2.5. Bên A sẽ hỗ trợ thanh toán trước cho Bên B tương ứng với tỷ lệ tối đa 50% hàng tồn kho tại từng thời điểm (nếu có) và thủ tục thanh toán thực hiện theo đúng Điều 2 Hợp đồng.

ĐIỀU 3: NGUYÊN LIỆU GIA CÔNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

3.1. Nguyên liệu gia công:

- 3.1.1 Bên A có trách nhiệm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên phụ liệu, bán thành phẩm theo tiến độ thực hiện của Bên B và tiến độ giao nguyên phụ liệu đã được đại diện hai bên xác nhận. Bên B sẽ kiểm tra chất lượng và số lượng nguyên phụ liệu đầu vào, nếu chất lượng không đạt và số lượng không đủ như nguyên liệu thiếu trong cây phụ liệu thiếu kiện phải thông báo cho Bên A theo quy trình ban hành và Bên A có trách nhiệm giải quyết cho Bên B kịp tiến độ sản xuất.
- 3.1.2 Địa điểm giao nguyên phụ liệu và chi phí: Theo danh mục đính kèm hợp đồng này.
- 3.1.3 Bên B phải bảo quản và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro đối với nguyên phụ liệu gia công do Bên A cung cấp cho Bên B. Bên B hoàn trả số nguyên phụ liệu còn thừa, không gia công hết cho Bên A theo định mức đã được bên A ban hành sau khi hoàn thành việc gia công hoặc theo yêu cầu của Bên A.
- 3.1.4 Bên B sử dụng đúng nguyên phụ liệu do Bên A cung cấp để thực hiện việc gia công hàng hóa theo yêu cầu của Bên A và đúng định mức nguyên phụ liệu để may hàng hóa được áp dụng theo tài liệu kỹ thuật do Bên A ban hành. Bên B không được tự ý pha chế phụ

gia, nguyên liệu khác không do Bên A cung cấp để gia công hàng hóa khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

- 3.1.5 Bên B cam kết bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh trong trường hợp để xảy ra mất mát hoặc hao hụt nguyên phụ liệu do Bên A giao cho Bên B.
- 3.1.6 Trong quá trình sản xuất, số nguyên phụ liệu bị thất thoát hay hao hụt ngoài định mức cho phép theo quy định, thì Bên B phải làm đề xuất cấp ngoài định mức, để Bên A bổ sung nguyên phụ liệu ngoài định mức cho Bên B. Đối với số nguyên phụ liệu cấp ngoài định mức hay thất thoát do lỗi của Bên B, sẽ được tính ra giá trị theo đơn giá mua nguyên phụ liệu của Bên A vào thời điểm mua để trừ vào số tiền gia công Bên A thanh toán cho Bên B.
- 3.1.7 Hết thời gian thực hiện hợp đồng bên B phải hoàn trả tài sản, máy móc thiết bị, tài liệu, mẫu rập và nguyên phụ liệu thừa về cho bên A trong vòng ba (03) ngày làm việc.
- 3.1.8 Tỷ lệ % hao hụt nguyên phụ liệu ngoài định mức là : 0%

3.2. Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng hàng hóa

Hàng hóa Bên B giao cho Bên A theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng phải:

- 3.2.1 Đúng theo tiêu chuẩn yêu cầu (đúng nhãn tuần, code nhà máy, phiên bản sản xuất, đúng số lượng và chất lượng). Sau khi nhận hàng về kho, nếu Bên A phát hiện số lượng nhầm lẫn, nhãn tuần lộn xộn, không đúng code nhà máy, phiên bản yêu cầu thì đề nguyên hiện trạng báo cho Bên B đến kiểm tra. Bên B chịu trách nhiệm về số lượng cho các sản phẩm nguyên đai, nguyên kiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng trong điều kiện lưu kho đúng tiêu chuẩn quy định.
- 3.2.2 Hàng hóa phải mới 100%, nguyên tem hoặc nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn/yêu cầu của Bên A.
- 3.2.3 Đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan.
- 3.2.4 Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp và thực hiện phải là hàng hóa hoàn chỉnh và sử dụng một cách hiệu quả; đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, màu sắc theo yêu cầu của tài liệu mà Bên A đã cung cấp.
- 3.2.5 Bên B sẽ lưu kho thành phẩm cho Bên A tối đa không quá 50,000 cái hàng do Bên B sản xuất, Bên A sẽ chịu phí lưu kho nếu hàng lưu vượt 50,000 cái.

3.3 Giải quyết khiếu nại - chất lượng:

- 3.3.1. Nếu sau khi nhận hàng về kho của Bên A trong phạm vi nội thành TP. HCM và Thị Xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Bên A kiểm tra xác suất và kết quả hàng hư lỗi nhẹ có thể sửa chữa được thì Bên A sẽ tiến hành sửa chữa để đảm bảo kịp xuất hàng, mọi chi phí phát sinh đến việc sửa chữa hàng Bên A sẽ thông báo cho Bên B vào cuối mỗi tháng và Bên B phải chi trả chi phí này.
- 3.3.2. Trường hợp Bên B không đồng ý điều 3.3.1 thì Bên B phải thanh toán tất cả các chi phí sửa hàng trước đó và lô hàng tiếp theo nếu kết quả kiểm có hư lỗi dù nhẹ Bên A cũng sẽ trả hàng để bên B tự sửa chữa. Mọi chi phí liên quan đến việc trả hàng cho Bên B, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm, *(chi tiết các dạng lỗi được qui định trong tiêu chuẩn kiểm hàng Gilimex ban hành theo Quy trình kiểm tra chất lượng QT 8.2.4/03)*.
- 3.3.3. Trong trường hợp tỷ lệ lỗi cao, lỗi nặng nhiều Bên A sẽ trả nguyên lô hàng thành phẩm về cho Bên B nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày Bên B giao thành phẩm cho Bên A. Kể từ ngày 46 Bên A phát sinh lỗi thì Bên A phải chịu tất cả chi phí do lỗi phát sinh.
- 3.3.4. Nếu khách hàng khiếu nại chất lượng hàng do Bên B sản xuất không đúng tiêu chuẩn yêu cầu và may hàng không đúng theo tài liệu kỹ thuật do Bên A ban hành thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A.
- 3.3.5. Các điều khoản phạt do Bên B vi phạm sẽ được áp dụng theo Quy định tại Hợp đồng này và Quy định tuân thủ chất lượng QĐ/CL/8.4/2.
- 3.3.6. Bên A sẽ hỗ trợ cử nhân viên kiểm soát chất lượng (QC) kiểm hàng tại Kho Bên B trước khi Bên B giao hàng thành phẩm cho Bên A (trong thời gian tối đa 01 (một) năm tính từ

ngày Bên B mở chuyên sản xuất hàng của Bên A, sau thời gian này Bên B tự sắp xếp nhân sự kiểm hàng và đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của Bên A.

- 3.3.7. Các tiêu chuẩn chất lượng và hướng dẫn kiểm tra chất lượng được Bên A cung cấp, hướng dẫn cho Bên B theo danh mục tài liệu được cung cấp và thống nhất với Bên B bằng biên bản họp thống nhất giữa 2 bên.

3.4. Hỗ trợ sản xuất:

- 3.4.1. Bên A sẽ cung cấp máy SAM để Bên B phục vụ sản xuất.

- 3.3.8. Bên A sẽ hỗ trợ cài đặt phần mềm để bên B thực hiện việc vô nhựa đóng gói hoàn chỉnh sản phẩm và không tính phí cài đặt.

- 3.3.9. Sau khi Bên B nhận máy SAM về Bên B không được tự ý tháo đổi phụ tùng hoặc linh kiện của máy, nếu Bên A phát hiện tình trạng máy thay đổi thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ phụ tùng, linh kiện hoặc thanh toán bằng tiền số phụ tùng, linh kiện bị tháo đổi cho Bên A.

- 3.3.10. Bên B không được tự ý sang nhượng, cầm cố, thế chấp hoặc cho mượn máy móc thiết bị thuộc tài sản của Bên A đã cho Bên B mượn.

- 3.3.11. Bên B phải bảo quản và giữ gìn tài sản của Bên A, nếu xảy ra mất mát, thất thoát, hư hỏng ngoài những hao mòn thông thường trong suốt quá trình sử dụng thì Bên B sẽ bồi thường cho Bên A dựa trên cơ sở xác định lỗi và mức độ thiệt hại làm căn cứ bồi thường.

- 3.3.12. Bên A hỗ trợ sửa chữa máy SAM khi phát sinh sự cố chi phí sửa chữa Bên B chịu.

- 3.4.2. Đối với máy móc đã cài đặt phần mềm, sau khi hết hạn thực hiện hợp đồng, bên A sẽ gỡ phần mềm đã cài đặt thuộc quyền sở hữu trí tuệ của bên A và hoàn trả máy thuộc tài sản của bên B (nếu có) về cho bên B.

- 3.4.3. Bên A sẽ hỗ trợ cho Bên B tìm nhà vận chuyển, trường hợp bên B không sử dụng nhà vận chuyển của Bên A, Bên B có quyền quyết định nhà vận chuyển khác nhưng phải đảm bảo tiến độ sản xuất không bị chậm trễ.

- 3.4.4. Trong trường hợp Bên A thỏa thuận được với nhà cung cấp của Bên A ngoài danh mục đã thống nhất mà tiết kiệm được chi phí cho Bên B thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B để Bên B sắp xếp.

Trường hợp thay đổi địa điểm giao nhận nguyên phụ liệu dẫn đến phát sinh thêm chi phí cho Bên B thì Bên B sẽ phải thanh toán các chi phí phát sinh đó hoặc Bên B lựa chọn địa điểm nhận hàng tại kho của Bên A.

ĐIỀU 4: MẪU DUYỆT VÀ SẢN XUẤT THỬ

- 4.1. Bên A cung cấp cho Bên B mẫu và các thông tin cần thiết để bên B may mẫu theo thông tin tại Điều 1 Hợp đồng. Căn cứ mẫu của Bên A gửi, trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận nguyên phụ liệu mẫu, Bên B phải may 02 mẫu hàng hóa theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng và gửi cho Bên A để xem xét chấp thuận/xét duyệt mẫu trước khi bên A tiến hành sản xuất đại trà.

- 4.2. Nếu mẫu đạt yêu cầu thì Bên A ký xác nhận trên mẫu và bên B tiến hành sản xuất thử 35 sản phẩm theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng để bên A đánh giá 0-seri trước khi bên B sản xuất đại trà

- 4.3. Nếu mẫu không đạt yêu cầu thì Bên B phải giao lại mẫu mới cho Bên A chậm nhất [04] ngày kể từ ngày Bên A từ chối mẫu ban đầu, sau khi mẫu được duyệt bên B sẽ tiến hành các bước tiếp theo như điều 4.2.

- 4.4. Mẫu đối được mỗi bên giữ một (01) mẫu làm cơ sở đối chiếu trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN VÀ KIỂM TRA HÀNG HÓA

- 5.1. Thời gian giao hàng:

- 5.1.1. Bên A thông tin kế hoạch giao hàng căn cứ vào khả năng thực hiện của Bên B và được Bên B xác nhận. Kế hoạch giao hàng được đại diện hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc thư điện tử (email). Khi có thay đổi kế hoạch giao hàng, Bên A phải chủ động thông báo cho Bên B trước ít nhất [06 ngày] so với thời điểm giao hàng để Bên B sắp xếp điều chỉnh kế hoạch sản xuất, nếu cần thiết. Tuy nhiên, Bên A không được điều chỉnh kế hoạch giao hàng một cách đột xuất và vượt quá khả năng sản xuất, giao hàng của Bên B. Trường hợp Bên A muốn tăng thêm số lượng xuất hàng không vượt quá 15% sẽ được bên B xác nhận theo từng đợt yêu cầu cụ thể của bên A.
- 5.1.2. Nếu nguyên phụ liệu cung cấp không đúng tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng, làm gián đoạn hoạt động sản xuất của Bên B, công nhân phải chờ việc, thì Bên A phải thanh toán cho Bên B chi phí tiền lương chờ việc theo mức lương tối thiểu vùng cho công nhân trực tiếp.
- 5.1.3. Nếu nguyên phụ liệu Bên A giao cho Bên B bị trễ hạn, thì thời gian Bên B giao thành phẩm cho Bên A sẽ được lùi lại tương ứng với số ngày giao nguyên phụ liệu trễ hạn.
- 5.2. Địa điểm giao hàng thành phẩm:
- 5.2.1. Bên B giao tại kho bên A chỉ định trong phạm vi TP. Hồ Chí Minh và Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- 5.3. Chi phí vận chuyển hàng hóa: Bên B sẽ giao hàng thành phẩm đã vô nhựa bắn SAM đóng kiện tại Nhà máy của bên B và Bên A chịu toàn bộ chi phí vận chuyển hàng hóa đối với hàng xuất trực tiếp tại Nhà máy của Bên B, đối với hàng lẻ đã vô nhựa bắn SAM đóng kiện Bên B phải chịu chi phí vận chuyển đến kho do bên A chỉ định nhưng không vượt quá 10% lượng hàng trên hợp đồng. Đối với hàng lẻ chưa vô nhựa bắn SAM Bên B phải chịu chi phí vận chuyển đến kho do bên A chỉ định.
- 5.4. Nguyên phụ liệu theo danh mục, địa điểm và phương thức giao nhận theo phụ lục đính kèm, chi phí bốc xếp đầu kho bên nào thì bên đó chịu trách nhiệm bốc xếp. Chi phí vận chuyển Bên B sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp
- 5.5. Trước thời điểm giao hàng ít nhất [02] ngày, Bên B phải thông báo cho Bên A biết kế hoạch giao hàng để Bên A sắp xếp kho chứa hàng và nhân viên hỗ trợ nhận hàng. Bên A không chịu trách nhiệm trong trường hợp vì Bên B không thông báo trước hoặc chậm thông báo nên Bên A không sắp xếp kịp thời kho chứa hàng và nhân sự hỗ trợ nhận hàng.
- 5.6. Nếu Hàng hóa do Bên B cung cấp phù hợp với các yêu cầu quy định tại Hợp đồng thì hai bên tiến hành ký xác nhận trên Biên bản giao nhận hàng hóa. Nếu Hàng hóa thiếu hoặc không đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng; theo đó, Bên B phải giao bù hàng thiếu hoặc giao lại đối với hàng hóa không đạt yêu cầu cho Bên A trong vòng 04 ngày
- 5.7. Nếu quá thời gian quy định tại Điều này mà Bên B không giao đủ hàng cho Bên A (bao gồm cả trường hợp giao hàng lại do không đạt chất lượng hoặc bị thiếu) thì Bên B chịu phạt 8 % giá trị của số lượng hàng giao trễ hoặc thiếu cho mỗi ngày chậm giao, tuy nhiên thời gian chậm giao không được quá [10] ngày. Quá thời gian nêu trên mà Bên B vẫn chưa giao đủ hàng thì Bên A được quyền áp dụng một trong các chế tài hoặc tất cả các chế tài dưới đây: (i) đơn phương chấm dứt Hợp đồng (Bên B hoàn trả ngay cho Bên A toàn bộ hàng thành phẩm hiện có tại bên B và nguyên vật liệu Bên A đã giao cho Bên B mà Bên B chưa sử dụng hết – bao gồm cả nguyên vật liệu Bên B đã sử dụng để sản xuất số lượng hàng hóa không đạt chất lượng, không đúng thời gian giao hàng); (ii) Chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 10.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 6.1. Nhận hàng hóa theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này và từng đơn đặt gia công cụ thể đã được thống nhất bởi hai bên.

- 6.2. Được Bên B thanh toán các khoản chi phí phát sinh, chênh lệch, tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc gây thiệt hại cho Bên A.
- 6.3. Cử người giám sát xuống kiểm tra hàng hóa và tình hình gia công tại địa điểm gia công trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- 6.4. Cung cấp mẫu hàng hóa để làm cơ sở cho Bên B may mẫu. Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu trí tuệ đối với mẫu do mình cung cấp.
- 6.5. Cung cấp nguyên liệu gia công cho Bên B theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng.
- 6.6. Kiểm tra hàng hóa khi nhận hàng và thông báo cho Bên B khi phát hiện hàng hóa không đạt các yêu cầu đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 6.7. Thanh toán đúng thời hạn quy định trong Hợp đồng.
- 6.8. Được phép thực hiện hoạt động đánh giá hiện trường nhà cung cấp không báo trước.
- 6.9. Được phép thực hiện hoạt động đánh giá toàn nhà máy của nhà cung cấp có báo trước ít nhất 1 lần/năm với điều kiện Bên A đã thông báo cho Bên B về kế hoạch đánh giá ít nhất 07 ngày trước ngày thực hiện. Bên A được tiến hành thẩm tra các hoạt động của Bên B về năng lực sản xuất, giám sát chất lượng, các vấn đề về môi trường mà Bên A cho là cần thiết. Bên A được quyền tiếp cận các hồ sơ liên quan đến chất lượng, trách nhiệm xã hội liên quan đến Bên A.
- 6.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 7.1. Được Bên A thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 7.2. Cam kết có đủ điều kiện và năng lực thực hiện việc gia công theo Hợp đồng này và quy định pháp luật.
- 7.3. Thực hiện gia công và cung cấp hàng hoá cho Bên A đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này và từng đơn đặt gia công cụ thể đã được hai bên thống nhất.
- 7.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho giám sát của Bên A xuống kiểm tra việc gia công hàng hóa tại địa điểm gia công trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- 7.5. Giữ bí mật vô thời hạn các thông tin về mẫu mã hàng hóa, nguyên liệu, thông số kỹ thuật và các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên A phát hiện Bên B có hành vi tiết lộ thông tin khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị các đơn đặt gia công có liên quan và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A.
- 7.6. Cam kết không sản xuất cho Bên thứ ba hàng hóa trùng mẫu hàng hóa mà Bên B sản xuất cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Trường hợp Bên B vi phạm quy định nêu trên thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị các đơn đặt gia công có liên quan và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A.
- 7.7. Cam kết không đưa cho bên thứ ba gia công lại hàng của Bên A, trường hợp bên thứ 3 thuộc quyền sở hữu của bên B thì bên B có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản cho bên A được biết. Nếu Bên B vi phạm quy định nêu trên thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị các đơn đặt gia công có liên quan và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A hoặc Bên A sẽ ngay lập tức chấm dứt hợp đồng với Bên B.
- 7.8. Đảm bảo hàng hóa chuyển giao cho Bên A không bị ràng buộc bởi bất kỳ biện pháp bảo đảm nào theo quy định của pháp luật và không có bất kỳ tranh chấp nào với bên thứ ba. Nếu xảy ra các trường hợp nêu trên thì Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết với Cơ quan nhà nước hoặc với Bên thứ 3; đồng thời, bằng chi phí của mình, Bên B thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của Bên A và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh mà Bên A phải gánh chịu (nếu có).
- 7.9. Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa trong thời gian [3 năm] kể từ ngày giao hàng,

trừ trường hợp hàng hóa được giao không đảm bảo chất lượng do nguyên liệu mà Bên A cung cấp.

- 7.10. Tuân thủ tuyệt đối các quy định của Bên A khi giao hàng tại kho của Bên A.
- 7.11. Chịu rủi ro đối với hàng hóa cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên A bằng biên bản giao nhận hàng hóa.
- 7.12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 8: QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG HỐI LỘ VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- 8.1. Bên B cam kết và đảm bảo không thực hiện hành động đưa hối lộ, chi hoa hồng dưới bất kỳ hình thức nào cho các cá nhân (bao gồm cả cán bộ, công chức nhà nước; cán bộ, nhân viên của Bên A và các cá nhân khác) nhằm thực hiện các hoạt động sai trái, không phù hợp, vi phạm quy định pháp luật hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên A.
- 8.2. Bên B cam kết luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình kinh doanh.
- 8.3. Bên B cam kết không lôi kéo nhân viên của Bên A về làm việc cho Bên B; không sử dụng lao động chưa đủ tuổi lao động; không có bất kỳ hoạt động cưỡng bức, bóc lột sức lao động đối với người lao động.
- 8.4. Bên B thông báo ngay cho Bên A theo đường dây nóng [(+84.28) 7100 8888] hoặc email [hcns@gilimex.com] khi phát hiện bất kỳ hoạt động nào nêu trên hoặc các trường hợp nhân viên của Bên A có hành vi những nhiễu/gây khó khăn/vi phạm khi thực hiện giao dịch với Bên B.
- 8.5. Hai bên hỗ trợ và hợp tác với nhau nhằm cải tiến chất lượng, tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 9.1. Hợp đồng được chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - 9.1.1. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
 - 9.1.2. Một trong hai bên mất khả năng thanh toán hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - 9.1.3. Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp:
 - Bên B thể hiện rõ ý định không tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
 - Bên B vi phạm các quy định trong Hợp đồng này hoặc các cam kết khác, đã được Bên A nhắc nhở 03 lần mà không khắc phục.
 - Bên B thường xuyên giao hàng không đảm bảo chất lượng theo quy định trong Hợp đồng này (Nhắc nhở quá 03 lần bằng văn bản).
 - Các trường hợp khác theo quy định trong Hợp đồng này và quy định của pháp luật.
- 9.2. Hậu quả do việc chấm dứt Hợp đồng
 - 9.2.1. Hai bên sẽ lập Biên bản để xác định các hàng hóa và/hoặc các công việc đã hoàn tất mà Bên B chấp nhận và chi phí phát sinh tương ứng:
 - Nếu chi phí phát sinh lớn hơn số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ thanh toán thêm cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập Biên Bản.
 - Nếu 2 bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bên B sẽ hoàn trả các sản phẩm chưa may, NPL nguyên đai nguyên kiện cho bên A, số sản phẩm đang sản xuất dở dang thì phải hoàn thành và bên A sẽ thanh toán cho bên B những sản phẩm bên B đã hoàn thành trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên chấm dứt hợp đồng
 - Nếu chi phí phát sinh nhỏ hơn số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B phải hoàn trả phần chênh lệch cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày lập Biên Bản.
 - 9.2.2. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo Điều 9.1.4 hoặc các trường hợp khác do lỗi của Bên B thì Bên B phải: (i) chịu phạt bằng 08% giá trị bình quân của 03 đơn đặt hàng/ Hợp đồng liền kề trước đó; (ii) bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A.
- 9.3. Việc Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 9 không làm chấm dứt hiệu lực đối với các nghĩa vụ, cam kết quy định tại Điều 7.5, 7.6 Hợp đồng. Bên B phải chịu trách

nhiệm vô thời hạn về các nghĩa vụ, cam kết tại Điều 7.5, 7.6 Hợp đồng.

ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Các bên sẽ được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến việc không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong những trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, động đất, sóng thần hay sự kiện tương tự có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng này.
- 10.2. Trong vòng [03] ngày làm việc kể từ khi trường hợp bất khả kháng phát sinh, Bên chịu ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc phát sinh sự kiện, những phần việc không thực hiện được do hậu quả của sự kiện bất khả kháng và các biện pháp khắc phục.
- 10.3. Hai bên sẽ trao đổi thống nhất về việc tiếp tục thực hiện, tạm hoãn hay chấm dứt Hợp đồng khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp các bên sẽ tự thương lượng giải quyết trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng quyền lợi của nhau. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì một trong hai bên được quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 12.1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung Hợp đồng đã ký kết. Không bên nào được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trừ trường hợp được quy định trong Hợp đồng này.
- 12.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh các vấn đề liên quan, hai bên tiến hành trao đổi và thống nhất trước khi thực hiện. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có giá trị khi hai bên thoả thuận bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của các bên ký xác nhận.
- 12.3. Tất cả Phụ lục Hợp đồng và các văn bản khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
- 12.4. Không bên nào được chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này cho bên thứ ba khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia.
- 12.5. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho đến ngày hai bên hoàn thành xong các nghĩa vụ và thanh lý hợp đồng.
- 12.6. Hợp đồng này được lập thành [04] bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ [02] bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

Số : 15 /TTr – ĐHĐCĐTN 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v. Cơ cấu lại thành phần Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Căn cứ vào Khoản 4 của Điều 276 của Nghị định 155 quy định: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định :

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên

Hiện nay, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023) của Công ty có 07 thành viên, không có thành viên độc lập Hội đồng quản trị và rất khó để tìm 2 thành viên độc lập đáp ứng tiêu chuẩn và thực sự đóng góp cho chiến lược phát triển của Công ty để bầu vào Hội đồng quản trị. Do đó, để đảm bảo cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án cơ cấu lại thành phần Hội đồng quản trị như sau:

1. Thành phần Hội đồng quản trị sau cơ cấu : Số lượng là 05 thành viên , trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
2. Miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm của 03 thành viên Hội đồng quản trị
 - Ông LÂM TỬ THANH
 - Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
 - Bà NGUYỄN MINH HẰNG
3. Bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023)

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để Đại hội tiến hành theo trình tự nội dung như trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT



BUI TUẤN NGỌC



GARMEX SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2021

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IV(2018-2023)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán
- Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV(2018-2023) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết (sau đây gọi chung là “Cổ đông”) theo danh sách cổ đông công ty chốt ngày 22.04.2021

Điều 2: Chủ tọa tại Đại hội

Có trách nhiệm điều hành việc bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị với những việc cụ thể:

1. Trình Đại hội thông qua Quy chế đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV(2018-2023)
2. Hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu và các Ban phục vụ Đại hội
3. Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử để Đại hội quyết định thông qua danh sách trước khi tiến hành bầu cử
4. Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).
5. Trình Đại hội thông qua kết quả bỏ phiếu

Điều 3: Số lượng và tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT bầu bổ sung cho Nhiệm kỳ IV (2018-2023)

1. **Số lượng :** Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV
2. **Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia thành viên độc lập HĐQT**

Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 của Luật Doanh nghiệp:

- 2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp - Đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam
- 2.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- 2.3. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít

nhất trong 03 năm liền trước đó;

- 2.4. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- 2.5. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- 2.6. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- 2.7. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 4: Đề cử, ứng cử viên thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc trong trường hợp Điều lệ Công ty tại thời điểm đề cử, ứng cử quy định cao hơn thì áp dụng tỷ lệ cao hơn đó) có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.
 - 1.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị..

Điều 5. Hồ sơ đề cử, ứng cử vào thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ đề cử, ứng cử gồm:

- 1.1. Bản chính Đơn đề cử, ứng cử các ứng cử viên tham gia HĐQT, trong đó có cam kết các ứng cử viên đảm bảo được các tiêu chuẩn theo quy định như khoản 2 Điều 3 của Quy chế này hoặc đơn tự ứng cử nếu đảm bảo phù hợp các điều kiện, tiêu chuẩn theo qui định. *(Theo mẫu đính kèm)*.
- 1.2. Bản chính kê khai sơ yếu lý lịch của ứng cử viên có xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của địa phương *(Theo mẫu đính kèm)*
- 1.3. Bản cung cấp thông tin ứng viên *(Theo mẫu đính kèm)*.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi bộ hồ sơ đề cử/ứng cử đến Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty trước ngày 21.05.2021, để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách bầu cử cũng như chuẩn bị phiếu bầu cử tại Đại hội. Trường hợp gửi Bưu điện theo địa chỉ sau:

- ✓ Văn phòng HĐQT – Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- ✓ Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17 Quận Gò Vấp TP. HCM

Điều 6: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên : Được sắp xếp thứ tự (theo bảng chữ cái Tiếng Việt) theo tên , ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
2. **Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**
 - 2.1. Phiếu bầu được in thống nhất, có số cổ phiếu có quyền biểu quyết theo mã số cổ đông tham dự
 - 2.2. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT theo mã số tham dự .
 - 2.3. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
 - 2.4. Cổ đông tự ghi số phiếu biểu quyết bầu cho ứng cử viên vào cột ô trống sau Tên của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
3. **Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**
 - 3.1. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành
 - 3.2. Phiếu gạch xóa, sửa chữa nội dung, ghi thêm tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.
 - 3.3. Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó đại diện (sở hữu và được ủy quyền).
 - 3.4. Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

Điều 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị .
2. **Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu**
 - Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu
 - Tiến hành kiểm phiếu
 - Lập biên bản kiểm phiếu
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
3. **Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**
 - 3.1. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông
 - 3.2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu
 - 3.3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc
 - 3.4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Phương thức bầu cử, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

1. **Phương thức bầu cử :** Việc bầu thành viên độc lập Hội đồng Quản Trị được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - 1.1. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phiếu có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu.
 - 1.2. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. **Nguyên tắc trúng cử:** Người trúng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

387
TỶ
LÃN
HỆX
ON
CỔ CHỈ

3. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/05/2021, Đại hội đồng cổ đông chỉ bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, do đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông để bầu cử cũng bằng với số cổ phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông đại diện và cổ đông không được bầu nhiều hơn 01 ứng viên.

Điều 9: Giám sát bầu cử:

1. Ban kiểm phiếu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.
2. Ban kiểm soát hoặc Đại hội có thể cử cổ đông giám sát quá trình kiểm phiếu nhưng không được can thiệp công việc kiểm phiếu hoặc tiếp cận phiếu bầu. Nếu vi phạm, Ban kiểm phiếu có quyền trục xuất khỏi nơi kiểm phiếu và báo cáo với Đại hội.

Điều 10: Hiệu lực thi hành:

Quy chế đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (2018-2023) của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn gồm 10 Điều, có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BUI TUẤN NGỌC

T.C.P
H.



CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

GARMEX SAIGON

Tel: 028-39844822

Fax: 028-39844746

Email : headoffice@garmexjs.com

☎



Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng năm 2021

ĐỀ CỬ / ỨNG CỬ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN NHIỆM KỲ IV (2018 – 2023)

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

Chúng tôi là nhóm cổ đông / cổ đông của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn, hiện đang sở hữu số lượng cổ phần như sau:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND/CCCD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết	Ký tên xác nhận của cá nhân/tổ chức đề cử
1					
2					
3					
TỔNG CỘNG					

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi/chúng tôi xin được đề cử/ứng cử ứng viên vào thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2018-2023)

Họ và Tên ứng viên :

Ngày sinh :

Nơi sinh :

Địa chỉ liên lạc :

Số CMND :

Ngày cấp :

Tại :

Trình độ chuyên môn :

Tôi/Chúng tôi cam đoan ông /bà có đủ điều kiện được đề cử / ứng cử vào vị trí thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định Luật pháp, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị tại Đại hội Cổ đông thường niên 2021 của Garmex SaiGon

Ông cam đoan những thông tin cá nhân trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Trân trọng cảm ơn .

Đính kèm

1. Sơ yếu lý lịch
 2. Bản cung cấp thông tin
 2. Bản sao hợp lệ CMND /CCCD
- và các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn của ứng viên

**CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ**

-----o0o-----



Người khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

1/ Họ và tên :

2/ Giới tính:

3/ Ngày tháng năm sinh:

4/ Nơi sinh:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)..... Ngày cấp/*Date of issue* Nơi cấp/*Place of issue*:
.....

6/ Quốc tịch..... 7/ Dân tộc.....

8/ Địa chỉ thường trú :

9/ Số điện thoại.....

10/ Địa chỉ email.....

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn

12/ Quá trình công tác:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

14/ Số CP nắm giữ: cổ phiếu, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu :

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai:



ST T No	Mã CK Sec urite symb ol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading accounts	Chức vụ tại công ty Position at the company	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address 1 Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal pers	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	GMC															
1	Cá nhân có liên quan															
1.0 1																
1.0 2																
2	Tổ chức có liên quan (không có)															

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty và các Bên có liên quan của Công ty :

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Số: 01 /NQ-ĐHĐCĐ/2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Điều lệ Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn số 01/BB – ĐHĐCĐ.2021 ngày 24 tháng 05 năm 2021.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thông qua Báo cáo năm 2020 gồm:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020
 - Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
 - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020
 - Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán
- Doanh thu thuần : 1.474.566.250.584 đồng
Lợi nhuận trước thuế : 64.907.726.494 đồng

Điều 2: Thông qua các Tờ trình tại Đại hội

1. Thông qua Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cổ phần thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số tiền 133.731.555.000 VND từ ngày 15/01/2020 đến ngày 30/04/2020 như Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) tính đến 31/12/2019	VNĐ	210.171.523.089
2	Thanh toán các khoản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	VNĐ	37.037.759.831
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi thanh toán các khoản theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2020 (1-2)	VNĐ	173.133.763.258
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020	VNĐ	64.907.726.494
5	Thuế TNDN	VNĐ	18.493.609.687
6	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 (4-5)	VNĐ	46.414.116.807
7	Cổ tức năm 2020 : Tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu (số cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020)	VNĐ	29.956.020.000
8	Thù lao HĐQT và BKS năm 2020 (2%/LNST)	VNĐ	928.282.336
9	Trích thưởng HĐQT, BKS năm 2020	VNĐ	1.527.628.583
	<i>Trong đó :</i>		
	- Thưởng hoàn thành kế hoạch : Thưởng 2%/LNST theo kế hoạch	VNĐ	328.936.090
	- Thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch : 4% phần vượt LNST	VNĐ	1.198.692.493
	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất theo kế hoạch	VNĐ	23.000.000.000

	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo kế hoạch	VNĐ	16.446.804.475
10	Tổng lợi nhuận phân phối :7+8+9	VNĐ	32.411.930.919
11	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại từ LNST năm 2020 : 6-10	VNĐ	14.002.185.888
12	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại : 1-2+11	VNĐ	187.135.949.146

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Doanh thu : 1.240.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 23.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 : 10% - 20%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu trên, tùy theo kết quả để quyết định mức tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Ngân sách đầu tư cho năm 2021

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh : 295.000.000.000 đồng
(Bao gồm : Đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, đầu tư tăng năng lực sản xuất)
- Vay ngân hàng để tài trợ vốn hoạt động : 960.000.000.000 đồng

5. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020 :

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020 như Tờ trình số 05/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020 cổ phiếu
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 10% theo mệnh giá.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức : 2.995.602 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá trị phát hành tính theo mệnh giá : 29.956.020.000 đồng
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Giá trị lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

6. Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho:

- Người Đại diện theo pháp luật sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Điều lệ Công ty về ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Nội dung bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn như Tờ trình số 06/TTr-ĐHĐCĐTN 2021
- Người Đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục cho việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Toàn văn Điều lệ mới của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2021 và thay thế Điều lệ hiện hành như Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Toàn văn Quy chế nội bộ mới về quản trị công ty Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2021 và thay thế Quy chế nội bộ hiện hành như Tờ trình số 08/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2021 như Tờ trình số 09/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2021 như Tờ trình số 10/TTr-ĐHĐCĐTN 2021

11. Thù lao của Hội đồng quản trị và thù lao, tiền lương của Ban kiểm soát năm 2021

11.1. Thù lao Hội đồng quản trị :

Tổng mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị : 576.000.000 đồng.

11.2. Tổng mức thù lao, tiền lương Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát (bao gồm tiền lương của thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách) không vượt quá 458.000.000 đồng.

11.3. Ủy quyền HĐQT: Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định phân bổ mức thù lao của Hội đồng Quản trị và thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát năm 2021 cho từng thành viên.

12. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn, căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán để lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán sau, thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn:

- Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam (E&Y)
- Công ty TNHH PRICEWATERHOUSE COOPERS Việt Nam (PWC)
- Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam (DELOITTE)
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

13. Thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức tỷ lệ 45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn mà không phải chào mua công khai.

Nhóm cổ đông gồm:

- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt
- Công ty cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Việt
- Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A

13.1. Đối tượng chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai : Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

13.2. Phương thức giao dịch : Nhận chuyển nhượng thông qua hình thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận trên sàn HSX theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

13.3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận chuyển nhượng nêu trên để đảm bảo thực hiện các nội dung nhận chuyển nhượng được thông qua theo Nghị quyết này

14. Thông qua hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan đến người nội bộ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Hợp đồng gia công tu vải công nghiệp giữa Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn với Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh như Tờ trình số 14/TTr-ĐHĐCĐTN 2021.

15. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023) sau cơ cấu như sau:

15.1. Miễn nhiệm 03 thành viên Hội đồng quản trị

- Ông LÂM TỬ THANH
- Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
- Bà NGUYỄN MINH HẰNG

15.2. Bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2018-2023) :

Ông/Bà :

15.3. **Số lượng và thành phần sau cơ cấu :** 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 3 : Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/05/2021
- Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận :

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Cổ đông Công ty
- Thành viên HĐQT Cty
- Ban TGĐ Cty
- Thành viên BKS Cty
- Lưu VPHĐQT;

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



BÙI TUẤN NGỌC

